



Năng Lực Quốc Tế. Lợi Thế Địa Phương

BẢN CÁO BẠCH

*QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF
(VCBF - TBF)*

Tháng 09 năm 2013



Quý VCBF-TBF đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ (“Giấy Chứng Nhận”) bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“SSC”) của Việt Nam. Giấy Chứng Nhận này chỉ hàm ý sự đăng ký thành lập quỹ và phát hành Chứng Chỉ Quỹ đã được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và không hàm ý rằng SSC cung cấp bất kỳ sự bảo đảm, xác nhận hoặc bảo lãnh nào về nội dung của Bản Cáo Bạch, mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quý.

Quý giới thiệu trong Bản Cáo Bạch này được thành lập theo Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với SSC ngày 16 tháng 9 năm 2013.

Bản Cáo Bạch cung cấp các thông tin chính xác về Quý mà nhà đầu tư tiềm năng nên biết trước khi đầu tư. Nhà đầu tư nên lưu lại Bản Cáo Bạch này cho mục đích tham chiếu trong tương lai. Nhà đầu tư cũng cần cập nhật bất kỳ thay đổi nào của Bản Cáo Bạch sau ngày công bố. Các nhà đầu tư nên đọc các tài liệu bổ sung như Điều Lệ Quỹ và báo cáo hoạt động của Quý (khi Quý đã đi vào hoạt động) trước khi quyết định đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF (VCBF-TBF)

PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG & GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

*Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16/9/2013
Ngày đăng ký Bản cáo bạch: 16/9/2013*

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH:

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-4) 3936 4540 Fax: (84-4) 3936 4542
- Email: Investor@vcbf.com hoặc NhaDauTu@vcbf.com
- Website: www.vcbf.com

Chi nhánh TP.HCM

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
- Điện thoại: (84-8) 38270 750 Fax: (84-8) 38270 751

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH:

Bản Cáo Bạch cập nhật nhất cùng các tài liệu của Quý (báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, Điều Lệ Quỹ và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com, tại các văn phòng của VCBF và các Đại Lý Phân Phối như danh sách trong Phụ Lục 2 của Bản Cáo Bạch này.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Avinash Deepak Satwalekar
Chức vụ: Tổng Giám đốc – VCBF

Bản Cáo Bạch này có hiệu lực từ ngày 16/9/2013

Số: 44/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2013

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;

Xét hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng của công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank;

Xét đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý các công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng cho:

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF

Tên đầy đủ tiếng Anh: VCBF Tactical Balanced Fund

Tên viết tắt: VCBF-TBF

Công ty quản lý quỹ: Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.



Điều 2. Quỹ đầu tư cân bằng chiến lược VCBF được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Vốn huy động tối thiểu: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng
2. Mệnh giá chứng chỉ quỹ: 10.000 (mười nghìn) đồng
3. Loại hình quỹ đầu tư chứng khoán: Quỹ mở

Điều 3. Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank, Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và các bên liên quan phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành hai (02) bản chính: một (01) bản cấp cho công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank; một (01) bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.



Nguyễn Đoàn Hùng

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt ở đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế, hoặc tài chính/đầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện hoặc bất kỳ các hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (chuyển nhượng, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ, việc xử lý khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư, hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (bán, chuyển giao, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia hay lãnh thổ nào áp dụng cho nhà đầu tư hoặc bất kỳ quỹ được quản lý nào được sử dụng để mua Đơn Vị Quỹ, và xác định các vấn đề có thể phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác từ việc mua và nắm giữ Đơn Vị Quỹ trước khi quyết định đăng ký mua Đơn Vị Quỹ.

Bản Cáo Bạch này và Các Đơn Vị Quỹ chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và phải tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào tại lãnh thổ tài phán nói trên không được coi Bản Cáo Bạch này hay Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua Đơn Vị Quỹ hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó bản chào như thế tới họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký có thể được sử dụng một cách hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền để cung cấp bất kỳ thông tin hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch này liên quan đến đợt phát hành này hay việc phát hành các Đơn Vị Quỹ, và bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch này không được dựa vào như là đã được phê duyệt bởi VCBF. Nhà đầu tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký và ủy thác thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào với Quỹ. Quỹ hoặc VCBF không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi được thực hiện bởi các tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện cho nhà đầu tư đó.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	8
2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	8
3. TƯ VẤN PHÁP LÝ	8
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	9
III. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	12
1. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ	12
2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	12
IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ	14
V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	19
VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG	21
1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	21
2. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ	21
3. CÁC HẠN MỨC ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐỊNH	21
VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ	23
1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH CỦA QUỸ	23
2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	23
3. PHÂN BỐ TÀI SẢN	23
4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	24
5. ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	24
6. CÁC RỦI RO CHỦ YẾU	24
7. VÒNG QUAY DANH MỤC	24
8. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	24
9. LỢI NHUẬN THAM CHIẾU	24
VIII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	25
IX. CHI TIẾT ĐỢT PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG (IPO)	25

X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	26
1. NGÀY GIAO DỊCH	26
2. THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỔ LỆNH	26
3. GIAO DỊCH MUỘN VÀ CHỌN THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH	27
4. MUA ĐƠN VỊ QUỸ	27
5. BÁN ĐƠN VỊ QUỸ	29
6. CHUYỂN ĐỔI QUỸ	31
7. CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN VỊ QUỸ	32
8. HỦY LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ	32
9. TẠM DỪNG THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ	32
10. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (SIP)	33
XI. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	36
1. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG	36
2. NGÀY ĐỊNH GIÁ	36
3. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	36
XII. CÁC LOẠI PHÍ VÀ CHI PHÍ	41
1. PHÍ GIAO DỊCH	41
2. CHI PHÍ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ	42
XIII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	43
1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	43
2. CÁC BÊN LIÊN DOANH CỦA VCBF	46
3. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	47
4. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	48
XIV. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	49
XV. THUẾ	50
XVI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	51
1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ	51
2. BÁO CÁO QUỸ	51
3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG	52
4. GỬI BÁO CÁO	52
XVII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ	52
XVIII. CƠ SỞ PHÁP LÝ	56
XIX. LIÊN LẠC	57
XX. CAM KẾT	58

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (“VCBF”)

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Băng Tâm	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Deutsche Bank AG, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“Deutsche Bank”)

Đại diện: Ông Trí Phạm

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do VCBF lập có xác nhận của Deutsche Bank AG, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“Deutsche Bank”). Chúng tôi thông qua đây tuyên bố rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do VCBF cung cấp.

3. TƯ VẤN PHÁP LÝ

Tên: Công ty luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội

Baker & McKenzie là tư vấn pháp lý cho Công Ty Quản Lý Quỹ liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ. Nhà đầu tư tiềm năng cần tham khảo ý kiến tư vấn từ luật sư của chính họ.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“AML”	Nghĩa là phòng chống rửa tiền.
“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu này, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi VCBF, cung cấp chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ VCBF-TBF và các thông tin liên quan đến việc phát hành và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ VCBF-TBF.
“Ban Đại Diện Quỹ” hay “BĐDQ”	Là một ban được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để đại diện cho các Người Sở Hữu Đơn Vị của Quỹ nhằm mục đích giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Chứng Chỉ Quỹ”	Là chứng khoán do VCBF đại diện Quỹ VCBF-TBF phát hành dưới dạng ghi sổ, là bằng chứng về quyền hợp pháp của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ.
“Cổ Tức của Quỹ”	Là các khoản lợi nhuận mà Quỹ phân phối tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ nắm giữ bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Vietcombank” hay “VCBF”	Là công ty được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK – GPHĐQLQ cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 2 tháng 12 năm 2005.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	Là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank như mô tả ở Mục XIII.1.1 của Bản Cáo Bạch này.
“Đại lý Chuyển Nhượng”	Có nghĩa là Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh như mô tả tại Mục XIII.4.6.1 do Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền quản lý Sổ Đăng Ký của Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	Là đại lý được ủy quyền nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ từ nhà đầu tư.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là cuộc họp của những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	Là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư như quy định tại Mục XIII.4.2 và Phụ Lục 2 của Bản Cáo Bạch.
“Điều Lệ”	Là điều lệ, các phụ lục kèm theo quy định cơ chế và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) quy định quy chế quản lý cho Quỹ VCBF-TBF.
“Đơn Đăng Ký”	Là đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ lần đầu.
“Đơn Vị Quỹ” hay “Đơn Vị”	Là đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà người sở hữu có một quyền biểu quyết.
“Đồng” hay “VNĐ”	Là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“DPP”	Là Lựa chọn Nhận Cổ tức bằng tiền được mô tả chi tiết tại Mục VIII.
“DRIP”	Lựa chọn Tái đầu tư Cổ tức được mô tả chi tiết tại Mục VIII.

“FTI”	Là Franklin Templeton Investments như mô tả tại phần XIII.2.2 của Bản Cáo Bạch này.
“HNX”	Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HSX”	Là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	Là tổng giá trị tài sản nắm giữ bởi Quỹ trừ đi các khoản nợ tại Ngày Định Giá.
“Hệ Thống Kế Toán Việt Nam”	Là hệ thống kế toán quy định bởi Bộ Tài Chính của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng cho các công ty được thành lập tại Việt Nam.
“Hợp Đồng Giám Sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa VCBF và Ngân Hàng Giám Sát..
“IPO”	Là phát hành lần đầu ra công chúng tức là khi Đơn Vị Quỹ được chào bán công khai ra công chúng lần đầu tiên.
“KYC”	Là nhận biết và tìm hiểu khách hàng.
“Lệnh Bán”	Là lệnh của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ yêu cầu Quỹ mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	Là lệnh bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận sở hữu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	Là lệnh của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Nhượng”	Là lệnh của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	Là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	Là lệnh chuyển đổi quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận sở hữu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó.
“Lệnh Được Chấp Nhận”	Là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	Là lệnh chuyển nhượng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện.
“Lệnh Mua”	Là lệnh của nhà đầu tư đặt mua Đơn Vị Quỹ.
“Luật” hay “Pháp Luật”	Là luật hay pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“Năm Tài Chính”	Là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu

Từ ngày SSC cấp giấy phép thành lập của Quỹ đó đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 3 (ba) tháng, trong trường hợp đó, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12 của năm sau.

“Ngày Làm Việc”	Là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngày Định Giá”	Là ngày NAV của Quỹ được xác định như quy định tại Mục XI.2 của Bản Cáo Bạch này.
“Ngày Giao Dịch”	Là Ngày Làm Việc mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ, đại diện cho Quỹ, phát hành, mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ như được định nghĩa tại Mục X.1 của Bản Cáo Bạch này.
“Ngân Hàng Giám Sát”	Có nghĩa là Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh như mô tả tại Mục XIII.4.1, cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
“Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ”	Là nhà đầu tư được đăng ký là người sở hữu Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký.
Quỹ	Là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBF-TBF) được mô tả trong Bản Cáo Bạch này.
“Ngày Chốt Danh Sách”	Là ngày mà các Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được ghi nhận trên Sổ Đăng Ký được xem là đủ điều kiện tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, nhận cổ tức và các hoạt động khác của Quỹ.
“Sổ Đăng Ký”	Là tài liệu ghi nhận thông tin về mỗi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
“SIP”	Là kế hoạch đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư vào Quỹ theo một chu kỳ đều đặn như được mô tả chi tiết ở Mục X.9 của Bản Cáo Bạch này
“SSC” hay “UBCKNN”	Là Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước của Việt Nam.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	Là thời điểm cuối cùng các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ nhận được tại Đại Lý Phân Phối được thực hiện tại Ngày Giao Dịch, như quy định chi tiết tại Mục X.2 của Bản Cáo Bạch này.
“Vốn Điều Lệ”	Có nghĩa là tổng số vốn của Quỹ do tất cả các Nhà đầu tư góp trong đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng được phát hành theo quy định tại Điều Lệ.
“VN Index”	Là chỉ số chứng khoán của toàn thị trường của HSX.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như mô tả trong Luật áp dụng theo từng hoàn cảnh sử dụng của Điều Lệ hoặc của Bản Cáo Bạch này.

III. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF

Tên Quỹ bằng Tiếng Việt:	Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF
Tên Quỹ bằng Tiếng Anh	VCBF Tactical Balanced Fund
Tên viết tắt	VCBF-TBF
Loại hình Quỹ:	Quỹ mở cân bằng
Mục tiêu Đầu tư:	Tổng lợi nhuận (tăng trưởng vốn cộng thu nhập)
Phân bổ Tài sản:	50,0% ± 25,0% Tổng tài sản Quỹ được đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định và 50,0% ± 25,0% vào cổ phiếu niêm yết, chủ yếu là các cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn.
Lợi nhuận tham chiếu:	Trung bình cộng giản đơn của thay đổi của VNIndex và lợi tức trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm.
Chính sách Cổ tức:	Có quyền chọn nhận bằng tiền mặt hay tái đầu tư
Giấy chứng nhận IPO:	Số 44/GCN-UBCK
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:	Cung cấp sau
Thời hạn hoạt động	Không giới hạn

2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Hạn Mức Tối Thiểu

Mua lần đầu:	5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng)
Các lần mua tiếp theo:	1.000.000 (một triệu đồng)
Bán:	1.000.000 (một triệu đồng) hoặc 100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Chuyển đổi Quỹ:	1.000.000 (một triệu đồng) hoặc 100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Chuyển nhượng	100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ) Quy định về mức bán tối thiểu không áp dụng cho lệnh bán cuối cùng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
Số dư tài khoản tối thiểu:	100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
	Trong trường hợp số dư tài khoản Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ thấp hơn mức tối thiểu do các Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi Quỹ, toàn bộ số dư còn lại của tài khoản sẽ được bán hoặc chuyển đổi.

2. Giá Mua	Giá Mua sẽ theo NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ cộng Phí Mua.								
3. Giá Bán	Giá Bán sẽ theo NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ trừ Phí Bán.								
4. Cơ cấu Phí									
Phí Mua:	<p>Được tính trên giá trị của Lệnh Mua như sau:</p> <table border="0"> <tr> <td>- Từ 1 triệu đồng đến 500 triệu đồng:</td> <td style="text-align: right;">2,0%</td> </tr> <tr> <td>- Trên 500 triệu đồng đến 1,0 tỷ đồng</td> <td style="text-align: right;">1,5%</td> </tr> </table> <p>Lệnh Mua có giá trị trên 1,0 tỷ đồng (một tỷ Đồng) sẽ được hưởng các mức phí ưu đãi như được quy định tại Mục XII.1.1 Phí Mua.</p> <p>Các Lệnh Mua trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ sẽ được giảm 20% (hai mươi phần trăm) Phí Mua.</p> <p>Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP hàng tháng hoặc hàng quý trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục sẽ được giảm trừ 20% Phí Mua như quy định chi tiết tại Mục X.9.4.</p>	- Từ 1 triệu đồng đến 500 triệu đồng:	2,0%	- Trên 500 triệu đồng đến 1,0 tỷ đồng	1,5%				
- Từ 1 triệu đồng đến 500 triệu đồng:	2,0%								
- Trên 500 triệu đồng đến 1,0 tỷ đồng	1,5%								
Phí Bán:	<p>Được tính cho giao dịch bán từng phần hay toàn bộ các Đơn Vị Quỹ trên cơ sở tổng giá trị bán và tính theo thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ như bảng dưới đây. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được tính trên cơ sở mua trước – bán trước và được quy định chi tiết tại Mục XII.1.2 Phí Bán.</p> <table border="0"> <tr> <td>- 01 tháng hoặc ngắn hơn:</td> <td style="text-align: right;">3,0%</td> </tr> <tr> <td>- Trên 01 tháng đến 12 tháng:</td> <td style="text-align: right;">1,0%</td> </tr> <tr> <td>- Trên 12 tháng đến 24 tháng:</td> <td style="text-align: right;">0,5%</td> </tr> <tr> <td>- Trên 24 tháng:</td> <td style="text-align: right;">0,0%</td> </tr> </table>	- 01 tháng hoặc ngắn hơn:	3,0%	- Trên 01 tháng đến 12 tháng:	1,0%	- Trên 12 tháng đến 24 tháng:	0,5%	- Trên 24 tháng:	0,0%
- 01 tháng hoặc ngắn hơn:	3,0%								
- Trên 01 tháng đến 12 tháng:	1,0%								
- Trên 12 tháng đến 24 tháng:	0,5%								
- Trên 24 tháng:	0,0%								
Phí Chuyển Đổi Quỹ:	<p>Được tính trên giá trị được bán từ một Quỹ và mua một Quỹ khác trong cùng một Ngày Giao Dịch, tùy thuộc vào Phí Mua của Quỹ chuyển đến so với Phí Mua của Quỹ rời đi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cao hơn: phí chuyển đổi là khoản chênh lệch giữa các mức Phí Mua tại thời điểm chuyển đổi - Trường hợp bằng hoặc thấp hơn: không tính phí <p>Thời gian nắm giữ của các Đơn Vị Quỹ sau khi chuyển đổi Quỹ sẽ được tính lại từ ngày thực hiện việc chuyển đổi.</p>								
Phí Chuyển Nhượng:	<p>Được tính cho giao dịch chuyển nhượng các Đơn Vị Quỹ từ người sở hữu thụ hưởng đã đăng ký sang cho một người sở hữu thụ hưởng khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 300.000 Đồng (phí cố định) 								
5. Giao Dịch Đơn Vị Quỹ	Các Đơn Vị Quỹ có thể được mua, bán, chuyển đổi hay chuyển nhượng vào Ngày Giao Dịch như quy định tại Mục X.1. Giá trị bán ròng sau khi trừ phí, thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc sau Ngày Giao Dịch.								

6. Cách Tính Giá Trị Tài Sản Ròng (“NAV”)

- NAV của Quỹ được tính vào mỗi Ngày Định Giá và được công bố trên trang điện tử của VCBF và thông qua các Đại Lý Phân Phối.
- NAV/Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn đến 2 (hai) số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ 3.

7. Công Bố Thông Tin

- Quỹ sẽ công bố báo cáo tài chính bán niên, hàng năm, báo cáo hoạt động quỹ bán niên, hàng năm và các báo cáo khác theo Điều Lệ Quỹ và theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

Các điều khoản này có thể thay đổi để phù hợp với sự phát triển của thị trường, và có thể được điều chỉnh theo thời gian bởi VCBF trong các lần sửa đổi tiếp theo của Bản Cáo Bạch này.

IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Giống như các hình thức đầu tư khác, Quỹ mở có những rủi ro như nhà đầu tư có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn so với lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác được đầu tư cùng thời điểm và có cùng thời gian nắm giữ. Nhà đầu tư cần nhận thức được những rủi ro này tại thời điểm thực hiện đầu tư cũng như hiểu được khả năng chấp nhận của họ đối với rủi ro mất vốn đầu tư ban đầu hoặc lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.

Là công ty quản lý quỹ, mục tiêu của VCBF là quản lý các rủi ro đầu tư, và nếu có thể, hạn chế tác động của các rủi ro này bằng việc áp dụng các phương pháp quản lý đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Nhà đầu tư cần lưu ý các điểm quan trọng sau đây:

- Quỹ, VCBF, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên VCBF không có bất kỳ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ;
- Không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức được thanh toán trong tương lai;
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của một Quỹ, của VCBF hoặc của các chủ sở hữu của VCBF không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai;
- Tên của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai;
- VCBF không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và các chủ sở hữu, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên của VCBF không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của VCBF trong quá trình quản lý Quỹ này.

Rủi ro trong đầu tư chứng khoán thông thường được phân thành những loại rủi ro sau đây:

1. Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán: Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

- **Ảnh hưởng:** rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán chủ yếu liên quan đến trái phiếu. Do rủi ro này, trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao hơn so với lợi suất của trái phiếu Chính phủ vốn được coi là hình thức đầu tư ít rủi ro hơn. Thông thường giá trị của chứng khoán có thu nhập cố định sẽ dao động theo mức độ đánh giá mức rủi ro tín dụng cũng như bất kỳ sự kiện mất khả năng thanh toán nào thực tế xảy ra. Rủi ro tín dụng càng lớn, mức lợi suất yêu cầu càng cao. Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn tới khả năng công ty phải phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn hơn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Báo cáo tài chính được sử dụng để đánh giá rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán. Và vì báo cáo tài chính được các công ty niêm yết công bố hàng quý, dự báo dòng tiền trong

tương lai được sử dụng để đánh giá hình tài chính và triển vọng của công ty. Mặc dù rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán có thể được phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm hoặc bảo lãnh của ngân hàng, chi phí phòng ngừa rủi ro sẽ tăng nhanh chóng khi tình trạng tín dụng của công ty suy giảm. Bên cạnh đó, các công cụ phòng ngừa rủi ro hiện có ở Việt Nam còn khá hạn chế và được áp dụng chủ yếu cho các sản phẩm có thu nhập cố định được đảm bảo như bảo lãnh ngân hàng hay các khoản đảm bảo bổ sung bằng tài sản của công ty. Việc phân loại trái phiếu theo mức độ rủi ro do các cơ quan xếp hạng tín nhiệm độc lập tiến hành chưa được phổ biến ở Việt Nam. Các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam giám sát tình hình tài chính của các công ty niêm yết, và để bảo vệ các nhà đầu tư, các cơ quan này sẽ đình chỉ hoặc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu của các công ty có tình hình tài chính không lành mạnh hoặc không đủ năng lực tài chính.

Quý sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam hoặc trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tốt. VCBF sẽ thường xuyên tiến hành đánh giá rủi ro tín dụng của các trái phiếu và cổ phiếu.

2. Rủi ro thị trường: Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến giá thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và thị giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của Quý hay giá trị các khoản đầu tư của Quý.

• **Ảnh hưởng:** Giá trị thị trường của chứng khoán mà Quý đầu tư vào sẽ tăng hay giảm, đôi khi nhanh chóng hoặc đột ngột ngoài dự đoán. Giá trị thị trường của một chứng khoán có thể bị giảm bởi các hoạt động mua, bán trên thị trường hoặc các hoạt động khác liên quan đến cung, cầu của chứng khoán đó mà không liên quan đến tổ chức phát hành. Đây là rủi ro cơ bản với tất cả các chứng khoán. Giá có xu hướng giảm khi có nhiều người bán hơn người mua trên thị trường. Tương tự như vậy, giá có xu hướng tăng lên cả khi có nhiều người mua hơn người bán trên thị trường.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các điều kiện kinh tế vĩ mô được theo dõi thường xuyên để đánh giá các nhân tố chung có ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, từ chính sách tiền tệ và tài khóa, kỳ vọng về lạm phát, tâm lý kinh doanh cho tới thuế và các thay đổi về nhân khẩu học. Do bản chất khái quát của nó, rủi ro thị trường được quản trị bằng cách xác định và quản trị một số rủi ro cụ thể góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các rủi ro chính sau đây được giám sát thường xuyên:

2.1 Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quý đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu.

• **Ảnh hưởng:** Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động gián tiếp và ảnh hưởng nhiều mặt tới giá cổ phiếu, phụ thuộc vào nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi công ty (công ty có tỷ lệ các khoản vay dài hạn cao với lãi suất cố định sẽ ít bị ảnh hưởng hơn so với công ty có các khoản vay ngắn hạn), khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng cao, và kỳ vọng lạm phát.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quý cố gắng giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quý sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quý đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quý sẽ được theo dõi thường xuyên.

2.2 Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng chứng khoán thay đổi.

• **Ảnh hưởng:** Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro giá thị trường được phản ánh trong mức độ biến động của giá chứng khoán tăng hay giảm tương quan với các chứng khoán khác trong cùng thị trường. Để quản trị rủi ro biến động thay đổi giá, mức biến động của từng chứng khoán sẽ được đánh giá và theo dõi. Biến động cao hơn mức trung bình hàm ý rằng chứng khoán có nhiều rủi ro hơn (có thể đồng nghĩa với khả năng có nhiều lợi nhuận hơn). Mức độ biến động được đo lường bằng các phương pháp thống kê (độ lệch chuẩn của một chứng khoán so với trung bình, hay hệ số Beta). Công ty có chỉ số cơ bản tốt thông thường sẽ có mức biến động thấp hơn so với thị trường.

2.3. Rủi ro lạm phát: là rủi ro mà giá trị của các khoản đầu tư của quỹ suy giảm do lạm phát.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ.

Lạm phát có mức độ ảnh hưởng ít hơn đối với cổ phiếu. Những công ty ít có khả năng tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có lợi nhuận ít hơn và giá trị ít bị ảnh hưởng hơn. Ngược lại, những công ty có thể tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có giá trị cao hơn trong trường hợp lạm phát cao. Vì vậy, cổ phiếu chỉ có thể tránh được rủi ro lạm phát nếu như công ty có thể chuyển lạm phát đó sang cho người tiêu dùng. Ngoài ra, trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt hoạt động đầu tư. Điều này khiến cho tăng trưởng và sau đó là giá trị doanh nghiệp suy giảm.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro lạm phát đối với danh mục trái phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao.

Rủi ro lạm phát đối với danh mục cổ phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách tăng tỷ trọng danh mục vào cổ phiếu của những công ty có khả năng chuyển phần lớn lạm phát sang người tiêu dùng.

2.4. Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quý và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi tỷ giá.

- **Ảnh hưởng:** Các khoản đầu tư của Quý sẽ có rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quý đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được giám sát thông qua việc phân tích các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của công ty đó.

Tài sản và nợ phải trả của Quý đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quý. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của Quý và vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3. Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của người mua và người bán đối với chứng khoán quá thấp khiến cho Quý không thể hoặc mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Chứng khoán niêm yết thường có rủi ro thanh khoản thấp hơn chứng khoán chưa niêm yết, tuy nhiên khả năng bán các khoản đầu tư này có thể bị ảnh hưởng bởi tổng giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán. Thuộc đo rủi ro thanh khoản và việc chứng khoán có thể bán được dễ dàng hay không, là chênh lệch giữa giá chào mua và giá chào bán. Cổ phiếu kém thanh khoản sẽ có mức chênh lệch rộng hơn cổ phiếu có thanh khoản cao. Rủi ro thanh khoản là rủi ro đặc thù của thị trường trái phiếu Việt Nam vì nhiều trái phiếu phát hành có quy mô nhỏ và giao dịch ít trên thị trường thứ cấp. Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu có ở các công ty vốn hóa nhỏ và cũng có thể có ở các công ty có vốn hóa lớn nếu số lượng cổ phiếu có thể được giao dịch trên thị trường mà không được nắm giữ bởi các nhà đầu tư tổ chức thấp.

Quý có thể sẽ đầu tư vào những chứng khoán không niêm yết và vì vậy Quý có thể gặp các rủi ro thanh khoản.

- **Ảnh hưởng:** Thanh khoản thấp của các chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của Quý (xem mục 8 dưới đây). Thanh khoản thấp của các chứng khoán cũng dẫn đến giá mua, bán bất lợi cho quỹ và do đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quý (xem mục 6 dưới đây).
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cân trọng giới hạn trong quy định nội bộ.

4. Rủi ro tái đầu tư: Rủi ro này đề cập đến các mức lãi suất khi dòng tiền nhận được từ việc thoái vốn các khoản đầu tư của Quý được tái đầu tư và phát sinh khi lãi suất tại thời điểm tái đầu tư thấp hơn lãi suất tại thời điểm thoái vốn dẫn đến thu nhập lãi kép (lãi của lãi) nhận được thấp đi.

Một số chứng khoán có thu nhập cố định được phát hành kèm theo quyền cho phép người phát hành mua lại chứng khoán đó trước hạn, khi lãi suất thị trường có khuynh hướng giảm. Khả năng này có thể khiến Quý phải tái đầu tư phần tiền thu hồi tại mức sinh lợi thấp hơn, do đó làm giảm thu nhập từ lãi của Quý.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro tái đầu tư là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu với dòng tiền từ lãi trái phiếu và từ vốn được hoàn trả vào thời điểm đáo hạn trái phiếu.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tái đầu tư của danh mục đầu tư trái phiếu được quản trị thông qua việc theo dõi kỳ vọng lãi suất thể hiện trên đường cong lợi suất (đồ thị thể hiện các mức lãi suất của các trái phiếu có các kỳ hạn khác nhau) và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng. Tuy nhiên, tại Việt Nam, lãi suất thả nổi chủ yếu chỉ có ở trái phiếu doanh nghiệp, vì vậy phương pháp này thường giới hạn sử dụng cho những trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt.

5. Rủi ro thanh toán: Rủi ro thanh toán là rủi ro mà Quý giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quý sau khi Quý đã thanh toán tiền mua.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro thanh toán ở Việt Nam thường chỉ liên quan tới những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết và các giao dịch chưa có quy định. Các giao dịch mua bán cổ phiếu niêm yết được tiến hành thông qua các công ty môi giới và các công ty này sẽ kiểm tra số dư trước khi giao dịch để đảm bảo nhà đầu tư có đủ tiền để mua hoặc số lượng cổ phiếu để bán trước khi thực hiện giao dịch. Các giao dịch bán khống không được phép tiến hành.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quý chỉ tiến hành các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết với các đối tác có uy tín và trong trường hợp cần thiết có bằng chứng rõ ràng là có tiền hoặc chứng khoán hoặc thực hiện các bước thẩm định cần thiết để hạn chế rủi ro này.

6. Rủi ro về kết quả đầu tư: Đây là rủi ro mà Quý có thể không đạt được kết quả đầu tư như mong đợi, và kết quả đầu tư có thể thấp hơn so với các lựa chọn đầu tư khác có sẵn tại thời điểm tiến hành đầu tư. Hiệu quả đầu tư của Quý có thể bị ảnh hưởng bởi kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty mà Quý đầu tư vào, các điều kiện kinh tế vĩ mô, những thay đổi trong chính sách của Chính phủ, thay đổi luật pháp, lãi suất và rủi ro liên quan đến khối lượng giao dịch, tính thanh khoản và hệ thống thanh toán của các sàn giao dịch chứng khoán.

Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận và chính sách phân phối lợi nhuận của Quý và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và / hoặc của Ban Đại diện Quý. Tùy thuộc nguồn lợi nhuận có thể phân phối, các nhà đầu tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc trong thời gian dự kiến.

7. Rủi ro về chiến lược đầu tư: Đây là rủi ro bắt nguồn từ chiến lược đầu tư của Quý. Theo đó, rủi ro của Quý có thể tăng hay giảm phụ thuộc vào chiến lược đầu tư mà Quý áp dụng. Rủi ro đầu tư của hai chiến lược đầu tư cổ phiếu đặc thù là:

- **Chiến lược Đầu tư Tăng trưởng:** Giá của các cổ phiếu tăng trưởng phản ánh các dự báo về doanh thu và lợi nhuận trong tương lai, và vì vậy có thể giảm mạnh nếu công ty không đạt được những dự báo này. Giá cổ phiếu của những công ty này có thể biến động nhiều hơn các cổ phiếu khác, đặc biệt trong ngắn hạn.
- **Chiến lược Đầu tư Giá trị:** Giá của cổ phiếu giá trị có thể sẽ không tăng như kỳ vọng của công ty quản lý quỹ đầu tư nếu các nhà đầu tư khác không nhận ra được giá trị của công ty này hay các yếu tố mà công ty quản lý quỹ đầu tư kỳ vọng sẽ giúp giá cổ phiếu tăng không xảy ra.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tập trung do chiến lược đầu tư được quản trị thông qua việc duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm cổ phiếu của các công ty trong các ngành nghề khác nhau để giảm thiểu rủi ro cụ thể của từng ngành. Bên cạnh đó, đa dạng hóa một cách thích hợp vào nhiều cổ phiếu có quy mô khác nhau theo vốn hóa thị trường nhìn chung cũng hữu ích cho việc quản trị sự biến động và thanh khoản của Quý. Tuy nhiên, khả năng quản trị rủi ro bị hạn chế bởi số lượng cổ phiếu có

thể đầu tư được cho mỗi chiến lược đầu tư và trong các ngành. Nhà đầu tư cần cân nhắc chiến lược đầu tư của từng quỹ và quyết định xem rủi ro của từng chiến lược đầu tư có phù hợp với mục tiêu đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của mình hay không.

8. Rủi ro thanh khoản của Quỹ: Đây là rủi ro mà Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của nhà đầu tư trong một Ngày Giao Dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian dài hơn. Khi NAV của Quỹ giảm xuống thấp hơn, hay tổng số tiền phải hoàn trả cho các lệnh bán trên NAV cao hơn các ngưỡng cho phép của Pháp Luật, các lệnh bán chỉ có thể được hiện một phần hoặc có thể bị trì hoãn (vui lòng xem chi tiết ở Mục X.5.4 “Thực hiện Một phần Lệnh Bán” và Mục X.8 “Tạm dừng Việc Thực hiện Lệnh Mua và Lệnh Bán”).

Ngoài các điều kiện theo quy định của Pháp Luật, Quỹ cũng có thể không đáp ứng kịp thời được một số hoặc tất cả các lệnh yêu cầu mua lại do thị trường thiếu thanh khoản và Quỹ không thể thoái vốn các khoản đầu tư. Điều kiện thị trường, thay đổi trong những quy định có liên quan và các yếu tố khác như khối lượng giao dịch thấp, thời gian thanh toán dài hoặc các thủ tục chuyển nhượng có thể hạn chế việc thoái vốn các khoản đầu tư của Quỹ, kéo dài thời gian cần thiết để giải quyết các yêu cầu thanh toán, đặc biệt là trong trường hợp Quỹ phải đáp ứng một số lượng lớn bất thường các lệnh bán. Thị trường thứ cấp của trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản kém hơn thị trường thứ cấp của trái phiếu Chính phủ, và các khoản đầu tư trên thị trường tiền tệ, tuy khá thanh khoản, nhưng lại thiếu một thị trường thứ cấp phát triển, có thể hạn chế khả năng thoái vốn của Quỹ khi cần thiết.

Một tỷ lệ nhỏ các khoản đầu tư của Quỹ có thể được phân bổ vào các chứng khoán chưa niêm yết phù hợp với các chiến lược đầu tư của Quỹ và các giới hạn theo Luật. Chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán vốn có tính thanh khoản kém và có rủi ro thanh khoản cao hơn so với các chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán được phát hành kèm theo các lựa chọn thoái vốn bao gồm quyền chọn bán. Tuy nhiên điều này có thể làm tăng rủi ro của danh mục đầu tư. Thêm vào đó, tính thanh khoản và giá trị các khoản đầu tư của Quỹ do có nắm giữ các chứng khoán chưa niêm yết có thể bị ảnh hưởng nếu các chứng khoán chưa niêm yết này bắt buộc phải được thoái vốn sớm hơn dự kiến.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ sẽ nỗ lực duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách đầu tư một tỷ lệ thích hợp vào các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý, việc thanh toán sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản.

9. Rủi ro liên quan đến giải thể bắt buộc: Quỹ phải đối mặt với nguy cơ bị giải thể bắt buộc nếu NAV thấp hơn 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong 6 (sáu) tháng liên tục. Trong trường hợp này Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để quyết định việc thanh lý Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ với Quỹ khác, tùy thuộc phương án nào có lợi nhất cho các nhà đầu tư.

10. Rủi ro hoạt động quản lý quỹ: Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của VCBF đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của VCBF nghỉ việc. Theo đó, các nhà đầu tư có thể bị thua lỗ.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Hiệu quả đầu tư của Công ty Quản Lý Quỹ được giám sát thông qua việc đánh giá nội bộ về đội ngũ đầu tư cũng như chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đội ngũ đầu tư của VCBF được đào tạo nội bộ thường xuyên và được khuyến khích bổ sung thêm các chứng chỉ chuyên môn quốc tế. Năng lực của tất cả các nhân viên VCBF đều được đánh giá hàng năm, và kết quả làm việc tốt được thưởng xứng đáng để khuyến khích và giữ chân nhân viên.

11. Rủi ro về biến động giá của Quỹ do các lệnh mua/bán lớn: Rủi ro này phát sinh khi một hay một số Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đang nắm giữ một số lượng lớn Đơn Vị Quỹ, quyết định thực hiện lệnh bán các Đơn Vị Quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá của Đơn Vị Quỹ nếu các lệnh bán này đòi hỏi VCBF phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức giá thấp.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các hạn chế bán, điều chỉnh giá mua/bán hoặc phí chống pha loãng thường được sử dụng để giảm thiểu rủi ro giá của Quỹ bị ảnh hưởng khi một nhà đầu tư lớn có các lệnh lớn. Hạn chế bán đưa ra các hạn chế về mặt quy mô của từng lệnh bán. Điều chỉnh giá mua/bán tức là điều chỉnh NAV cho các lệnh mua hoặc lệnh bán lớn bằng một chỉ số điều chỉnh, chỉ số điều chỉnh này được thiết kế để bù trừ ảnh hưởng của phần chênh lệch lớn giữa lệnh bán và lệnh mua. Phí chống pha loãng tăng giá bán của các lệnh bán của nhà đầu tư bằng một con số nhất định và phần chênh lệch này được trả cho Quỹ.

12. Rủi ro pháp lý: là rủi ro mà Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.

13. Rủi ro bất thường: là rủi ro mà những sự kiện bất thường có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ. Những sự kiện này - dù là có thật hay tin đồn, có thể bao gồm:

- Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Môi trường kinh doanh như khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành;
- Rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.

• **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất thường có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hoá danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro bất thường vì các rủi ro này không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất thường.

14. Rủi ro đầu tư cụ thể của từng Quỹ: vui lòng tham chiếu đến mục VII.1.4 phân phân bổ tài sản đầu tư của từng Quỹ và các mục rủi ro trên để nhận biết rủi ro riêng biệt đối với các loại tài sản này.

V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Quỹ mở cung cấp một công cụ đầu tư bổ sung cho các nhà đầu tư cá nhân Việt Nam trong quản lý tài sản cá nhân, ngoài các loại tài sản truyền thống như gửi tiết kiệm, đầu tư bất động sản hay vàng. Đầu tư vào quỹ mở có một số ưu điểm so với đầu tư vào từng loại chứng khoán riêng lẻ do quỹ mở có các đặc điểm sau:

- *Tính chất dài hạn:* Quỹ mở có thể mang đến lợi nhuận cao hơn do việc đầu tư vào cổ phiếu như một loại tài sản đầu tư dài hạn thông thường có thể mang lại lợi nhuận cao hơn, như lịch sử đã chứng minh ở nhiều nước. Tính chất dài hạn của quỹ mở cũng cho phép công ty quản lý quỹ hạn chế được chu kỳ của thị trường chứng khoán.
- *Quản lý chuyên nghiệp:* Quỹ mở cho phép nhà đầu tư tiếp cận với các nhà quản lý quỹ chuyên nghiệp và thường xuyên, những người có kinh nghiệm, chuyên môn và có nguồn lực để chủ động mua, bán và theo dõi khoản đầu tư cho nhà đầu tư.
- *Linh hoạt:* Nhiều quỹ mở là một phần của “gia đình quỹ”, do đó nhà đầu tư có thể đầu tư vào một số quỹ mở phù hợp nhất với mục tiêu đầu tư cụ thể của nhà đầu tư, nhưng cũng có nghĩa là nhà đầu tư có thể chuyển sang quỹ khác khi mục tiêu đầu tư của nhà đầu tư thay đổi. Chuyển đổi từ một quỹ sang quỹ khác thuộc cùng nhóm gia đình quỹ được miễn phí hoặc phí rất thấp.
- *Phù hợp với khả năng chi trả:* Khoản đầu tư ban đầu vào hầu hết các quỹ mở đều hợp lý và các khoản đầu tư tối thiểu tiếp theo thường nhỏ.
- *Thanh khoản:* Trong trường hợp khẩn cấp nhà đầu tư cần sử dụng tiền từ kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình, việc rút một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư cũng rất dễ dàng, thường chỉ trong vòng một tuần. Tất nhiên, các việc khẩn cấp thường không dự đoán được trước và vì vậy giá trị của đơn vị quỹ mà nhà đầu tư phải bán có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn số tiền gốc mà nhà đầu tư đã đầu tư và chi phí để bán khoản đầu tư cũng có thể cao hơn dự kiến.
- *Đa dạng:* Danh mục đầu tư của quỹ mở thường bao gồm một số chứng khoán không tương quan. Ví dụ, một danh mục đầu tư cổ phiếu đa dạng thường nắm giữ cổ phiếu của các công ty thuộc các ngành khác nhau. Sự đa dạng có thể giúp giảm rủi ro tài chính tiềm tàng vốn có trong đầu tư. Nếu một khoản đầu tư giảm giá, khoản đầu tư khác trong danh mục có thể lại tăng giá.

Mỗi quỹ mở có tính chất rủi ro riêng, được xác định bởi các loại chứng khoán mà quỹ đó đầu tư vào. Nhìn chung, một Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu chính phủ sẽ có rủi ro thấp hơn so với quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư vào cổ phiếu vì giá trị tài sản ròng của Quỹ mở sẽ được xác định chủ yếu dựa vào lãi suất thị trường với rủi ro chính phủ mất khả năng thanh toán thấp. Do đó, Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ phù hợp cho các nhà đầu tư mong muốn bảo toàn vốn và có thu nhập cố định. Các quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ khác nhau về tỷ trọng trái phiếu chính phủ (lợi suất thấp hơn) và trái phiếu doanh nghiệp (lợi suất cao hơn) nhưng chứa đựng rủi ro mất khả năng thanh toán của các tổ chức phát hành. Quỹ mở đầu tư vào cổ phiếu có rủi ro cao hơn vì các quỹ này có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi tính chu kỳ của thị trường chứng khoán trong dài hạn. Tuy nhiên lợi nhuận của cổ phiếu trong dài hạn thường cao hơn so với lợi nhuận của trái phiếu. Thị trường cổ phiếu có nhiều biến động hơn so với thị trường trái phiếu, nhưng lịch sử cho thấy đầu tư vào thị trường cổ phiếu mang lại nhiều lợi nhuận hơn. Do đó, các nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao hơn, đặc biệt là các nhà đầu tư trẻ tuổi, có khuynh hướng xây dựng kế hoạch tiết kiệm của họ thông qua việc đầu tư vào Quỹ mở chuyên đầu tư vào cổ phiếu. Các quỹ mở đầu tư vào cổ phiếu sẽ khác nhau tùy theo rủi ro và tiềm năng lợi nhuận của loại cổ phiếu mà Quỹ đầu tư vào.

Bảng 1: Các hình thức quỹ mở

	Thu nhập cố định 100%			Cổ phiếu 100%	
	Bảo toàn Vốn	Thu nhập	Thu nhập/ Tăng trưởng	Tăng trưởng	Tăng trưởng Hoàn toàn
Rủi ro	Thấp nhất	Thấp	Trung bình	Cao	Cao nhất
Nguồn thu	Lãi	Cổ tức + Lãi	Cổ tức + Lãi + Thặng dư vốn	Cổ tức + Lãi + Thặng dư vốn	Chủ yếu là Thặng dư vốn
Lợi nhuận kỳ vọng	Thấp nhất	Thấp	Trung bình	Cao	Cao nhất
Thời hạn	Ngắn - Trung hạn	Ngắn - Trung hạn	Trung - Dài hạn	Dài hạn	Dài hạn

Trong trung hạn đến dài hạn, VCBF hướng đến mục tiêu cung cấp đầy đủ các sản phẩm quỹ mở với các đặc điểm lợi nhuận kỳ vọng/rủi ro khác nhau để đáp ứng nhu cầu của các nhóm nhà đầu tư khác nhau, phục vụ các mục đích phân bổ tài sản khác nhau của nhà đầu tư. Quỹ đầu tiên chào bán trong bản cáo bạch này là quỹ cân bằng chiến lược, cung cấp sự đa dạng hoá giữa tài sản có thu nhập cố định và cổ phiếu. Phụ thuộc vào kết quả so sánh về lợi nhuận kỳ vọng/rủi ro khác nhau của các cơ hội đầu tư, tỷ lệ phân bổ giữa tài sản có thu nhập cố định và cổ phiếu có thể thay đổi.

Nhà đầu tư có các mục tiêu đầu tư khác nhau với khoảng thời gian đầu tư để đạt được các mục tiêu đó khác nhau. Các mục tiêu tiết kiệm dài hạn phổ biến là cho hưu trí, chi phí giáo dục, mua nhà để ở hoặc các tài sản cố định khác như ô tô, xe máy, hoặc cho các mục tiêu khác. Các mục tiêu này sẽ thay đổi trong suốt cuộc đời của nhà đầu tư vì một số mục tiêu đã đạt được và được thay thế bởi các mục tiêu khác. Khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư thông thường cũng sẽ thay đổi theo thời gian, với khả năng chấp nhận rủi ro giảm xuống khi tuổi nghỉ hưu đến gần. Các chuyên gia tư vấn tài chính và các chuyên gia tư vấn về quản lý tài sản có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc xác định kế hoạch tiết kiệm lâu dài của nhà đầu tư. Để việc đầu tư dài hạn vào Quỹ mở được thành công, các nhà đầu tư cần phải đánh giá, xác định kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình và lựa chọn một hoặc nhiều Quỹ phù hợp nhất để có thể đáp ứng các mục tiêu riêng của nhà đầu tư với các mức rủi ro chấp nhận được.

Với các nhà đầu tư tổ chức, quỹ mở cung cấp bổ sung một công cụ đầu tư cho các chiến lược phân bổ tài sản và đa dạng hóa tài sản đầu tư cũng như công cụ đầu tư cho các chương trình hưu trí bổ sung cho nhân viên của công ty.

Cập Nhật Tình Hình Kinh Tế Vĩ Mô

VCBF áp dụng phương pháp đầu tư từ dưới lên, theo đó, các quyết định đầu tư được dựa vào việc phân tích mối tương quan giữa lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro của các khoản đầu tư cũng như dựa trên việc phân tích cơ bản các công ty đầu tư. Tuy nhiên, VCBF sẽ cung cấp báo cáo cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô hàng quý. Vui lòng xem tại bản cập nhật kinh tế vĩ mô mới nhất trước thời điểm của Bản Cáo Bạch này tại Phụ Lục 3.

VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG

Dưới đây là các mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư chung của VCBF-TBF. Các mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư chung này sẽ được áp dụng cho tất cả các quỹ mở được thành lập và quản lý bởi VCBF.

1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Quỹ sẽ đầu tư vốn khả dụng vào các chứng khoán được tự do chuyển nhượng và các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các nhà đầu tư kết quả từ việc quản lý danh mục đầu tư. Quỹ có mục tiêu đầu tư cụ thể như được trình bày chi tiết tại Mục VII.

2. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

Pháp Luật hiện tại quy định Quỹ có thể đầu tư vào các loại tài sản sau⁽¹⁾:

2.1 Tài sản có thu nhập cố định

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ có thể chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật về ngân hàng;
- c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- e. Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trái phiếu trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày đầu tư của Quỹ.

2.2 Cổ phiếu

- a. Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch;
- b. Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2.3 Công cụ Phái sinh

Chứng khoán phái sinh được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán mà chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

Các khoản đầu tư của Quỹ vào trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết cần phải được chấp thuận bằng văn bản của BDDQ nêu rõ về loại (mã) chứng khoán, số lượng và giá trị của giao dịch và thời gian thực hiện.

3. CÁC HẠN MỨC ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐỊNH

- 3.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Ngoại trừ quỹ trái phiếu, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

⁽¹⁾ Điều 15 (2), Thông tư 183/TT-BTC ngày 16/12/2011

- a. Ngoại trừ các quỹ trái phiếu, tổng giá trị các khoản đầu tư được trình bày trong các Tiểu Mục 2.1.a và 2.1.b của Mục “Chính sách Đầu tư” không được vượt quá 49,0% (bốn mươi chín phần trăm) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b. Tổng giá trị các khoản đầu tư riêng lẻ có giá trị lớn hơn 5,0% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ sẽ không được vượt quá 40,0% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- c. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, như được trình bày trong các Tiểu Mục 2.1, 2.2 và 2.3, ngoại trừ 2.1.c, của Mục “Chính sách Đầu tư”, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá 30,0% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e. Tổng giá trị chứng khoán của một tổ chức phát hành không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f. Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu sẽ niêm yết, đăng ký giao dịch trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày đầu tư của Quỹ không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 2.1 của Mục “Chính sách Đầu tư” phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được BĐDQ phê duyệt bằng văn bản.

3.2 Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a. Chứng khoán của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- b. Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hoá.

3.3 Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra trong Mục 3.1 của phần này, ngoại trừ điểm g và h (không được vượt quá hạn mức đầu tư nêu trên), nhưng không quá 15,0% (mười lăm phần trăm) và chỉ vì các lý do sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c. Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Các hoạt động sáp nhập, hợp nhất và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sát nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3.4 Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, VCBF sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Mục 3.1 của phần này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì VCBF không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định trong Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, VCBF phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra.

3.5 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ

- a. Quỹ không được cho vay hoặc thực hiện bảo lãnh, và không được vay nợ trừ các khoản vay ngắn hạn

với giới hạn tối đa là 5,0% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày để phục vụ cho các chi phí hoạt động của Quỹ đó nhưng cần phải được phê duyệt bởi BDDQ dựa trên đề nghị của VCBF và cần phải có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát rằng Quỹ có một khoản phải thu đối ứng tương đương với khoản vay trong cùng thời gian vay.

b. Tài sản của Quỹ không được sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ hoặc dùng để cầm cố mua chứng khoán cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.

c. Quỹ không thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.

d. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ

1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH CỦA QUỸ

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF, Quỹ mở có chiến lược đầu tư cân bằng.

2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hay trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn.

3. PHÂN BỐ TÀI SẢN

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Bảng 2: Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF

Loại hình đầu tư	Rủi ro	Tỷ trọng trong NAV
Cổ phiếu	Trung bình tới cao	50,0%
Tài sản có thu nhập cố định (Trái phiếu và Tiền)	Thấp tới Trung bình	50,0%

Việc phân bổ tài sản có thể sẽ thay đổi $\pm 25,0\%$ (cộng hoặc trừ hai mươi lăm phần trăm) so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư nhằm vào tăng trưởng vốn.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các nhà đầu tư, VCBF có thể đầu tư lên tới 100,0% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ bằng tiền mặt, các khoản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro, với điều kiện quỹ vẫn đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư chung quy định tại Mục VI.3. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư được đề ra.

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Tài sản Có Thu Nhập Có định

Quý sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Cổ phiếu

Quý sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX

Quý sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, VCBF đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, VCBF sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quý sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quý là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

5. ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Việc điều chỉnh Mục Tiêu Đầu Tư, Phân Bố Tài Sản và Chiến Lược Đầu Tư của Quý như được đề cập ở các Mục 2, 3 và 4 ở trên cần phải được Người Sở Hữu Đơn Vị Quý biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều 22 của Điều Lệ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản Cáo Bạch này.

6. CÁC RỦI RO CHỦ YẾU

Các nhà đầu tư phải nhận thức được rủi ro là họ có thể bị thua lỗ khi đầu tư vào Quý. Phần IV chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra, một cách riêng lẻ hoặc kết hợp, liên quan đến việc đầu tư vào Quý. Nhà đầu tư phải xem xét phần phân bổ đầu tư vào Quý trên cơ sở toàn bộ tài sản mà nhà đầu tư đang nắm giữ. Quý không có kế hoạch cung cấp một chương trình đầu tư đầy đủ hay toàn vẹn.

7. VÒNG QUAY DANH MỤC

Quý phải trả chi phí giao dịch như phí môi giới khi tiến hành mua và bán chứng khoán (hoặc “đảo” danh mục đầu tư của Quý). Một danh mục có vòng quay danh mục cao sẽ có chi phí giao dịch cao hơn. Chiến lược đầu tư của Quý là tiến hành đầu tư tại các mức giá hấp dẫn và nắm giữ, hơn là tiến hành giao dịch thường xuyên. Chi phí giao dịch được tính vào NAV của Quý, và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quý.

8. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng, Quý sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ. Thông tin về kết quả hoạt động của Quý sẽ được công bố đến Người Sở Hữu Đơn Vị Quý trong các báo cáo định kỳ và trong các báo cáo đầy đủ trên cơ sở bán niên.

9. LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50,0% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

VIII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền). Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- a) Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- b) Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp Luật quy định.

Nhà đầu tư có thể nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc dùng để tái đầu tư:

- Lựa chọn Nhận Cổ tức bằng Tiền (“DPP”): Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn nhận cổ tức bằng tiền cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong Đơn Đăng Ký.
- Lựa chọn Tái Đầu tư Cổ tức (“DRIP”): Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn dùng cổ tức để tái đầu tư sẽ nhận được thêm các Đơn Vị Quỹ. Cổ tức được trả cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được tự động tái đầu tư tại NAV của Quỹ trong Ngày Giao Dịch liền sau ngày trả cổ tức. Số lượng các Đơn Vị Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ do đó sẽ tăng bằng với số cổ tức phải trả chia cho NAV vào Ngày Giao Dịch đó. Cổ tức được dùng để tái đầu tư giống như việc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nhận được cổ tức bằng tiền mặt và dùng số tiền đã nhận được để tái đầu tư ngoại trừ:
 - Các khoản đầu tư dưới hình thức DRIP sẽ không phải trả Phí Mua.
 - Không phải trả Phí Bán hoặc Phí Chuyển Đổi đối với khoản đầu tư từ DRIP.

Nhà đầu tư cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong hai lựa chọn trên, DPP hoặc DRIP, được ghi trong Đơn Đăng Ký. Nếu nhà đầu tư không có sự lựa chọn, lựa chọn DRIP được tự động áp dụng.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào (hàng quý, nửa năm, hàng năm) khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cũng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền).

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có trong danh sách chốt trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Giao Dịch được công bố bởi VCBF cho việc chia cổ tức (“Ngày Chốt Danh Sách”) được xem là đủ điều kiện để nhận cổ tức.

Cổ tức sẽ được chi trả trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được công bố và được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ theo đăng ký trong Sổ Đăng Ký vào ngày thanh toán cổ tức, sau khi được khấu trừ các loại thuế có liên quan.

Cổ tức được chi trả sẽ phải chịu thuế tùy thuộc vào nguồn gốc của thu nhập của Quỹ cũng như các loại thuế áp dụng cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ (xem Phần XV).

IX. CHI TIẾT ĐỢT PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO)

Quỹ sẽ phát hành lần đầu ra công chúng từ ngày 14/10/2013.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn tài chính riêng của mình để đảm bảo nhà đầu tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư.

Chi tiết đợt phát hành lần đầu ra công chúng:

Bảng 3: Các điều khoản chính của đợt IPO

Số lượng đơn vị quỹ dự kiến phát hành:	5.000.000 đơn vị quỹ
Thời gian phát hành:	Được đề cập trong thông báo phát hành lần đầu ra công chúng

Mệnh giá:	10.000 đồng một Đơn Vị Quỹ
Đồng tiền sử dụng và trình bày:	Đồng (VNĐ)
Giá phát hành:	Mệnh giá cộng với 80% của Phí Mua, được đề cập trong Mục XII.1.1 Phí Mua Giá phát hành = 10.000 VNĐ x (1+0.8 x Phí Mua)

Các nhà đầu tư muốn đầu tư vào Quỹ phải hoàn thành và nộp Đơn Đăng Ký cho Đại Lý Phân Phối theo các quy trình và hướng dẫn trong Mục X.4, “Mua Đơn Vị Quỹ”. Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Đơn Vị Quỹ vào một tài khoản phong tỏa của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát. Thông tin chi tiết của tài khoản này sẽ được cung cấp bởi các Đại Lý Phân Phối và được đề cập trong Đơn Đăng Ký. Ngân Hàng Giám Sát sẽ thanh toán lãi phát sinh trên các khoản tiền gửi trong tài khoản ký quỹ với mức lãi suất không thấp hơn lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân Hàng Giám Sát trong suốt quá trình IPO. Nếu IPO thành công, số lãi này sẽ cấu thành một phần tài sản Quỹ.

Sau khi hoàn thành đợt IPO, VCBF sẽ đăng ký xin giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ với SSC nếu có ít nhất 100 (một trăm) nhà đầu tư không chuyên nghiệp đầu tư vào Quỹ và tổng vốn đầu tư vào Quỹ đạt tối thiểu 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỉ đồng). Khi nhận Giấy phép Đăng ký, Ngân Hàng Giám Sát sẽ giải tỏa tài khoản ký quỹ của Quỹ để Quỹ có thể bắt đầu đầu tư. Dự kiến Ngày Giao Dịch đầu tiên sẽ trong vòng 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực. Ngày Giao Dịch đầu tiên sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

Xác nhận đầu tư sẽ được gửi cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Quỹ có được Giấy chứng nhận đăng ký thành lập từ SSC.

Theo quy định hiện hành, nếu Quỹ không thể huy động được ít nhất là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỉ đồng) hoặc có ít hơn 100 (một trăm) nhà đầu tư không chuyên nghiệp vào thời điểm kết thúc IPO hoặc thời gian được gia hạn (nếu có), SSC sẽ không cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ. Trong trường hợp này, tất cả số tiền nhận được từ các nhà đầu tư trong thời gian IPO cùng với lãi phát sinh nếu có sẽ được hoàn trả vào tài khoản đăng ký của nhà đầu tư trong vòng 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày kết thúc đợt IPO. VCBF sẽ chịu tất cả các chi phí phát sinh từ đợt IPO trong trường hợp này.

Quỹ không quy định quy mô tối đa trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Vì vậy, nếu giá trị phát hành được vượt 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng), các nhà đầu tư sẽ được phân bổ số lượng Đơn Vị Quỹ bằng với số đã đặt mua.

X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Nhà đầu tư có thể liên tục giao dịch các Đơn Vị Quỹ kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo nhà đầu tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng cho họ và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của họ hay không.

1. NGÀY GIAO DỊCH

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là Ngày Làm Việc (“Ngày Giao Dịch”). Nếu Ngày Thứ Tư không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Nếu Ngày Làm Việc tiếp theo đó là ngày Thứ Ba, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Tư của tuần đó.

Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của VCBF, www.vcbf.com. VCBF có thể thay đổi Ngày Giao Dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ. Các thay đổi đó sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

2. THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỔ LỆNH

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán,

chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các lệnh mua được quy định chi tiết trong Bảng 4 như sau:

Bảng 4: Thời Điểm Đóng Số Lệnh cho Ngày Giao Dịch ‘T’

	Giờ đóng số lệnh	
	Thanh toán (1)	Hồ sơ (2)
Mua,	10h30 T-1	10h30 T-1
Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh	na	10h30 T-1

1. Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền thanh toán mua Đơn Vị Quỹ tại Tài khoản của Quý mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước khi hết giờ làm việc ngày T-1.

2. Thời Điểm Đóng Số Lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ với Đại Lý Phân Phối

Thời Điểm Đóng Số Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh, tuy nhiên phụ thuộc vào việc Đại Lý Chuyển Nhượng nhận được bản copy của Đơn Đăng Ký trên hệ thống của họ trước 11h00 (mười một giờ) sáng ngày T-1, tức là Ngày Làm Việc đầu tiên trước Ngày Giao Dịch T. Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại Điểm Nhận Lệnh đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước 10h30 (mười giờ ba mươi) sáng và Đại Lý Chuyển Nhượng nhận được trước 11h00 (mười một giờ) sáng ngày T-1, NAV của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng.

3. GIAO DỊCH MUỘN VÀ CHỌN THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

3.1 Giao Dịch Muộn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Số Lệnh cho Ngày Giao Dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Số Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch tiếp theo.

3.2 Chọn Thời Điểm Giao Dịch

Chứng Chỉ Quỹ cũng như Quỹ không được coi là công cụ phục vụ việc giao dịch thường xuyên để tận dụng các biến động ngắn hạn của thị trường chứng khoán. Loại giao dịch này thường được gọi là “chọn thời điểm giao dịch” hay “lướt sóng” và có thể gây ra các thiệt hại tiềm tàng hoặc thiệt hại thực tế cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Theo đó, nhà đầu tư sẽ phải trả một khoản Phí Bán là 3% (ba phần trăm)/NAV nếu thực hiện bán trong vòng 01 (một) tháng kể từ ngày mua Đơn Vị Quỹ như quy định tại Mục XII.1.2.

4. MUA ĐƠN VỊ QUỸ

4.1 Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mua Đơn Vị Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Đơn Đăng Ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng Ký đối với mỗi cá nhân/tổ chức hay các bên đồng sở hữu hay người được hưởng lợi hay người được ủy quyền.

Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng Ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Thông tin này sẽ được lưu lại trong Sổ Đăng Ký của Quý và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nhằm đảm bảo Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quý.

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ tại các lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hay có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh hay trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

Nhà đầu tư nếu muốn có thể đặt lệnh giao dịch tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng

Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại Lý Phân Phối. Nhà đầu tư chỉ có thể nộp các Phiếu Lệnh Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối ở bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.

Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong hướng dẫn về giao dịch Đơn Vị Quý ở các phần tiếp sau đây được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại Lý Phân Phối cụ thể mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại Lý Phân Phối đó.

4.2 Xử Lý Đơn Đăng Ký

Nhà đầu tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc Phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Làm Việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại Lý Phân Phối nào. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được cung cấp ở cuối Bản Cáo Bạch này.

Các Đại Lý Phân Phối sẽ chuyển hồ sơ đăng ký cho Đại Lý Chuyển Nhượng, là tổ chức sẽ đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm hồ sơ cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ đăng ký. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền từ chối hồ sơ trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký.

Nhà đầu tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quý từ tài khoản ngân hàng của mình vào tài khoản của Quỹ để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý việc đăng ký. Nhà đầu tư phải thực hiện từ tài khoản được đăng ký tên của Nhà đầu tư. Mọi khoản đầu tư vào Đơn Vị Quý đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

4.3 Tuân Thủ

Đơn Đăng Ký mua Đơn Vị Quý được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho Các Công Ty Quản Lý Quỹ nhằm tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng (“KYC”) và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền (“AML”). Vì vậy việc tất cả các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng Ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo pháp luật Việt Nam, tất cả nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng Ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp Luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Luật áp dụng đối với thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác ban hành bởi chính phủ Việt Nam hay chính phủ sở tại của nhà đầu tư ở các thời điểm khác nhau.

Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Đơn Vị Quý phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng lưu ký ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

4.4 Chấp Nhận Đơn Đăng Ký

VCBF có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư. Các Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp.

Trong trường hợp VCBF từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho nhà đầu tư

trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày VCBF thông báo cho Đại Lý Chuyển Nhượng về việc từ chối đó. Đơn Vị Quỹ sẽ chỉ được ghi nhận vào tài khoản của nhà đầu tư hay của Đại Lý Ký Danh khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận đủ phần thanh toán cho Lệnh Mua của nhà đầu tư.

Lệnh Mua thành công của nhà đầu tư hay Đại Lý Ký Danh sẽ được thông báo trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc từ Ngày Giao Dịch. Số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn đến hai số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư.

4.5 Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Mua

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua của nhà đầu tư cùng với tất cả các Lệnh Mua khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê trong mục X.8 dưới đây.

Trong trường hợp các giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

4.6 Các Mức Đầu Tư Tối Thiểu

Bảng 5: Các mức đầu tư tối thiểu

	VND
Khoản đầu tư đầu tiên	5,0 triệu
Khoản đầu tư tiếp theo	1,0 triệu

Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho nhà đầu tư. VCBF bảo lưu quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này.

4.7 Phí Mua

Đơn Vị Quỹ được phát hành tại NAV tại Ngày Giao Dịch cho mỗi Đơn Vị Quỹ cộng với Phí Mua. Biểu Phí Mua được cung cấp tại Mục XII.1.1.

VCBF có thể thay đổi Phí Mua đối với Đơn Vị Quỹ trong từng thời điểm. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

5. BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

5.1 Phiếu Lệnh Bán

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể bán Đơn Vị Quỹ vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào bằng cách nộp Lệnh Bán tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch đó. Phiếu Lệnh Bán được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hoặc có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Tất cả các Phiếu Lệnh Bán phải được ký tên đầy đủ.

5.2 Quy Trình Xử lý Lệnh Bán

Nhà đầu tư có thể đặt Lệnh Bán bằng giá trị muốn nhận về hoặc bằng số Đơn Vị Quỹ muốn bán. Nếu Lệnh Bán được đặt bằng giá trị thì số Đơn Vị Quỹ được bán sẽ bằng giá trị nhận về chia cho Giá Bán ròng sau khi trừ thuế (nếu có). Nếu Lệnh Bán được đặt bằng số Đơn Vị Quỹ cần bán thì số Đơn Vị Quỹ đó sẽ được bán.

Nếu Lệnh Bán được đặt bằng cả giá trị muốn nhận về và số Đơn Vị Quỹ muốn bán thì số Đơn Vị Quỹ sẽ được coi là yêu cầu cuối cùng.

Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch kế tiếp, và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có đủ số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản để bán. Nếu một Lệnh Bán có số lượng hoặc giá trị Đơn Vị Quỹ nhiều hơn số đang nắm giữ trong tài khoản, tài khoản sẽ bị đóng bằng cách bán toàn bộ số dư còn lại trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp được thực hiện một phần bởi các điều kiện liên quan đến Lệnh Bán một phần như đề trong các mục dưới đây sẽ được giao dịch tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi Phí Bán và thuế (nếu có), dựa trên ngày giờ nhận Lệnh Bán tại Điểm Nhận Lệnh, theo ngày giờ xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.

Sau khi thực hiện các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, số Đơn Vị Quỹ đã bán sẽ được trừ ra từ tổng số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và bảng kê mới về số Đơn Vị Quỹ nắm giữ sẽ được gửi đến Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

5.3 Lệnh Bán Tối Thiểu và Số Dư Tài Khoản Tối Thiểu

Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ nếu Lệnh Bán được đặt bằng Đơn Vị Quỹ hoặc 1.000.000 Đồng Việt Nam (một triệu đồng) nếu Lệnh Bán được đặt bằng giá trị, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn Vị Quỹ nắm giữ về 0 (không) và đóng tài khoản.

Tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ bị đóng khi số dư tài khoản giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ do các Lệnh Bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp nếu việc thực hiện Lệnh Bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, Lệnh Bán sẽ được thực hiện đối với toàn bộ số Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản sẽ bằng 0 (không).

VCBF có quyền thay đổi các mức bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu này trong từng thời điểm.

5.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán và Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Bán

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần lưu ý là trong một số trường hợp Lệnh Bán sẽ không thể thực hiện toàn bộ hoặc Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện.

Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán

Trong các trường hợp sau, Quý chỉ có thể thực hiện một phần Lệnh Bán và Chuyển Đổi Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ:

1. Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quý; hoặc
2. Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quý thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trong các trường hợp này, việc thực hiện một phần Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi sẽ được thực hiện theo tỷ lệ. Phần còn lại chưa thực hiện của các Lệnh này sẽ bị hủy.

Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.

Tạm dừng thực hiện Lệnh Bán

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, các Lệnh Bán cùng với tất cả các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được quy định chi tiết tại điểm X.8 dưới đây.

Trong trường hợp các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng thực hiện, Lệnh Bán đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ Phí Bán và thuế, nếu có, tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

5.5 Phí Bán

Phí Bán được tính theo phần trăm của NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ và sẽ được trừ khỏi NAV tại Ngày Giao Dịch để tính Giá Bán. Nếu được áp dụng, thuế giao dịch chứng khoán sẽ được trừ từ tổng giá trị bán.

Giá Bán trên một Đơn Vị Quỹ = NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ × (1 - Phí Bán trên một Đơn Vị Quỹ)

Biểu Phí Bán được nêu chi tiết tại Mục X II.1.2.

Tiền thu được từ Bán Đơn Vị Quỹ (sau khi đã trừ phí và thuế) sẽ được hoàn trả trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Đơn Vị Quỹ tới tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được khấu trừ từ tiền bán Đơn Vị Quỹ.

Tiền bán Đơn Vị Quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ với số tài khoản đã đăng ký ban đầu trong Sổ Đăng Ký. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được trong việc thanh toán tiền bán Đơn Vị Quỹ.

VCBF có thể thay đổi Phí Bán Đơn Vị Quỹ bất kỳ lúc nào. VCBF có quyền thay đổi cơ cấu phí để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng như đã đề cập tại Mục IV.11. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

6. CHUYỂN ĐỔI QUỸ

6.1 Phiếu Lệnh Chuyển Đổi Quỹ

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể chuyển đổi sang Quỹ khác do VCBF quản lý bằng Lệnh Chuyển Đổi. Phiếu Lệnh Chuyển Đổi được đính kèm theo Đơn Đăng Ký, hoặc có tại Điểm Nhận Lệnh và trên trang thông tin điện tử www.vcbf.com của VCBF. Đối với Lệnh Chuyển Đổi, toàn bộ tiền bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này sau khi trừ phí và thuế, nếu có, sẽ dùng để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.

Trong trường hợp số tiền Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn mua trong Quỹ mục tiêu nhiều hơn số tiền thu được từ Lệnh Chuyển Đổi, hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn mua ít hơn số tiền thu được từ Lệnh Chuyển Đổi và nhận lại một phần tiền còn lại, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ phải điền thêm một Phiếu Lệnh Bán hoặc Phiếu Lệnh Mua, tùy trường hợp, cho số chênh lệch với Lệnh Chuyển Đổi, và sẽ được xử lý là các Lệnh Bán và Lệnh Mua độc lập với Lệnh Chuyển Đổi.

6.2 Xử lý các Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng như là Lệnh Bán và tiếp theo sau là Lệnh Mua được thực hiện trong cùng Ngày Giao Dịch. Lệnh Bán và Lệnh Mua được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng theo quy trình mô tả ở trên với Lệnh Bán được thực hiện trước, Lệnh Mua được xử lý sau.

Lệnh Chuyển Đổi có thể được đặt bằng giá trị hoặc bằng số lượng Đơn Vị Quỹ.

6.3 Mức Tối Thiểu Cho Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ nếu lệnh đặt bằng Đơn Vị Quỹ hoặc 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nếu lệnh đặt bằng giá trị. Trong trường hợp số dư nhỏ hơn được chuyển đổi và số dư tài khoản Quỹ được bán giảm về không thì Lệnh Chuyển Đổi thấp hơn mức tối thiểu sẽ được chấp nhận. Số dư tài khoản tối thiểu 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ được áp dụng cho tài khoản Quỹ chuyển đến từ việc chuyển đổi. Đại Lý Phân Phối sẽ được hướng dẫn để không chấp nhận Lệnh Chuyển Đổi trong trường hợp Quỹ mục tiêu không đạt số dư tối thiểu và sẽ đề nghị nhà đầu tư đặt thêm Lệnh Mua để đảm bảo khoản đầu tư vào Quỹ mục tiêu đạt số dư tối thiểu 100 Đơn Vị Quỹ. Tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể bị đóng khi, số dư tài khoản của Quỹ rời đi giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ

6.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Chuyển Đổi

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần lưu ý rằng Lệnh Chuyển Đổi có thể chỉ được thực hiện một phần nếu Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi chỉ được thực hiện một phần. Các trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần được quy định chi tiết tại mục X.5.4. Phần chưa được thực hiện của Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện một phần sẽ bị hủy.

6.5 Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Trong một vài trường hợp Lệnh Chuyển Đổi cùng các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp được nêu tại mục X.8 bên dưới.

Trong các trường hợp tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi đã nhận sẽ được

thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi thuế và Phí Chuyển Đổi, nếu có, tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

6.6 Phí Chuyển Đổi

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chỉ phải trả Phí Chuyển Đổi nếu Phí Mua tại Quỹ mục tiêu cao hơn Quỹ rời đi tại thời điểm chuyển đổi. Trong các trường hợp khác, nhà đầu tư không phải trả Phí Chuyển Đổi.

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ không phải trả Phí Bán cho Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Các khoản thuế giao dịch, nếu có, sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được chuyển đổi sang Quỹ mục tiêu sẽ được tính lại từ đầu kể từ ngày Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được thực hiện.

7. CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN VỊ QUỸ

7.1 Đơn Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư có thể Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ cho nhà đầu tư khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án. Chuyển Nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Đơn Vị Quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Đơn Vị Quỹ. Nhà đầu tư chuyển nhượng cần điền Lệnh Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ với điều kiện là số lượng Chuyển Nhượng phải bằng hoặc lớn hơn số dư tối thiểu khi mở tài khoản nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

7.2 Xử Lý Các Đơn Chuyển Nhượng

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn thực hiện Chuyển Nhượng hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp Lệnh Chuyển Nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Lệnh Chuyển Nhượng được kèm theo Đơn Đăng Ký tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định cho người mua Đơn Vị Quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.

7.3 Tuân thủ

Để tuân thủ các quy định về KYC và AML, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải tuân theo các thủ tục như khi mở tài khoản mới, quy định chi tiết tại Mục X.4.3.

7.4 Xác Nhận Lệnh Chuyển Nhượng

Các Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận được thực hiện bởi Đại Lý Chuyển Nhượng tại Ngày Giao Dịch.

7.5 Phí Chuyển Nhượng

Phí Chuyển Nhượng là 300.000 VNĐ cho một giao dịch chuyển nhượng, do bên chuyển nhượng thanh toán.

8. HỦY LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Nhà đầu tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp Phiếu Hủy Lệnh cho các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối của họ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho các giao dịch đó.

9. TẠM DỪNG THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Nhà đầu tư cần lưu ý là việc thực hiện các lệnh giao dịch – Mua, Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ có thể sẽ bị tạm dừng một hoặc nhiều Ngày Giao Dịch vì tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát của VCBF. Tất cả Điểm Nhận Lệnh sẽ được thông báo trong các trường hợp giao dịch bị tạm dừng và thông báo sẽ được đăng trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com

Việc thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ có thể bị tạm dừng do một trong các sự kiện sau:

- Các điều kiện bất khả kháng;
- Không thể xác định được NAV của Quỹ tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định

đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc do các Sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch; hoặc

- Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt, các giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ được thực hiện trở lại vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Theo luật, thời gian tạm dừng thực hiện các Lệnh Mua và Bán Đơn Vị Quỹ sẽ không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Giao Dịch trước. Trong trường hợp giao dịch không thể tiếp tục trong khoảng thời gian tạm dừng tối đa nêu trên, thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng trên, VCBF sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư để xin ý kiến Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ về việc giải thể Quỹ, tách Quỹ hoặc kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ.

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (SIP)

SIP là một chương trình đầu tư tiết kiệm có hệ thống cho phép nhà đầu tư có thể tiết kiệm một khoản tiền cố định một cách thường xuyên – định kỳ mỗi tháng hoặc mỗi quý bằng cách mua định kỳ các Đơn Vị Quỹ. Ở nhiều nước, SIP đã chứng minh được lợi ích với các nhà đầu tư quỹ mở nhờ việc bình quân giá của các khoản đầu tư. Qua việc đầu tư định kỳ, chi phí trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ luôn thấp hơn so với đơn giá Đơn Vị Quỹ trung bình, và số lượng Đơn Vị Quỹ mua ở giá cao giảm đi khi thị trường tăng. Trong khi chi phí mua trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ có thể cao hơn giá của Đơn Vị Quỹ khi thị trường sụt giảm, chi phí mua trung bình cũng giảm xuống khi số lượng Đơn Vị Quỹ có giá thấp hơn được mua vào nhiều hơn và có khả năng tạo ra lợi nhuận tốt hơn khi thị trường phục hồi.

10.1 Chi Phí Trung Bình Của Một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Bảng 6 dưới đây minh họa lợi ích của SIP đối với nhà đầu tư dựa trên các số liệu giả định (để đơn giản, ví dụ giả định không có Phí Mua và Phí Bán). Giả sử ông ABC muốn đầu tư 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng) một quý trong thời hạn một năm với tổng vốn đầu tư 4.000.000 VNĐ (bốn triệu đồng).

Bằng cách đầu tư một số tiền cố định định kỳ, chi phí trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ nắm giữ của ông ABC xấp xỉ là 11.715 VNĐ (mười một nghìn bảy trăm mười lăm đồng) so với NAV của Đơn Vị Quỹ ở thời điểm mua quý 4 đạt 13.000 đồng (mười ba nghìn đồng). Bảng dưới cho thấy, chi phí trung bình mà ông ABC mua mỗi đơn vị thấp hơn so với giá trung bình của Đơn Vị Quỹ, là chi phí trung bình nếu ông đầu tư một số lượng cố định các Đơn Vị Quỹ theo quý.

Bảng 6: Ví dụ minh họa một chương trình đầu tư SIP vào một Quỹ với các NAV giả định

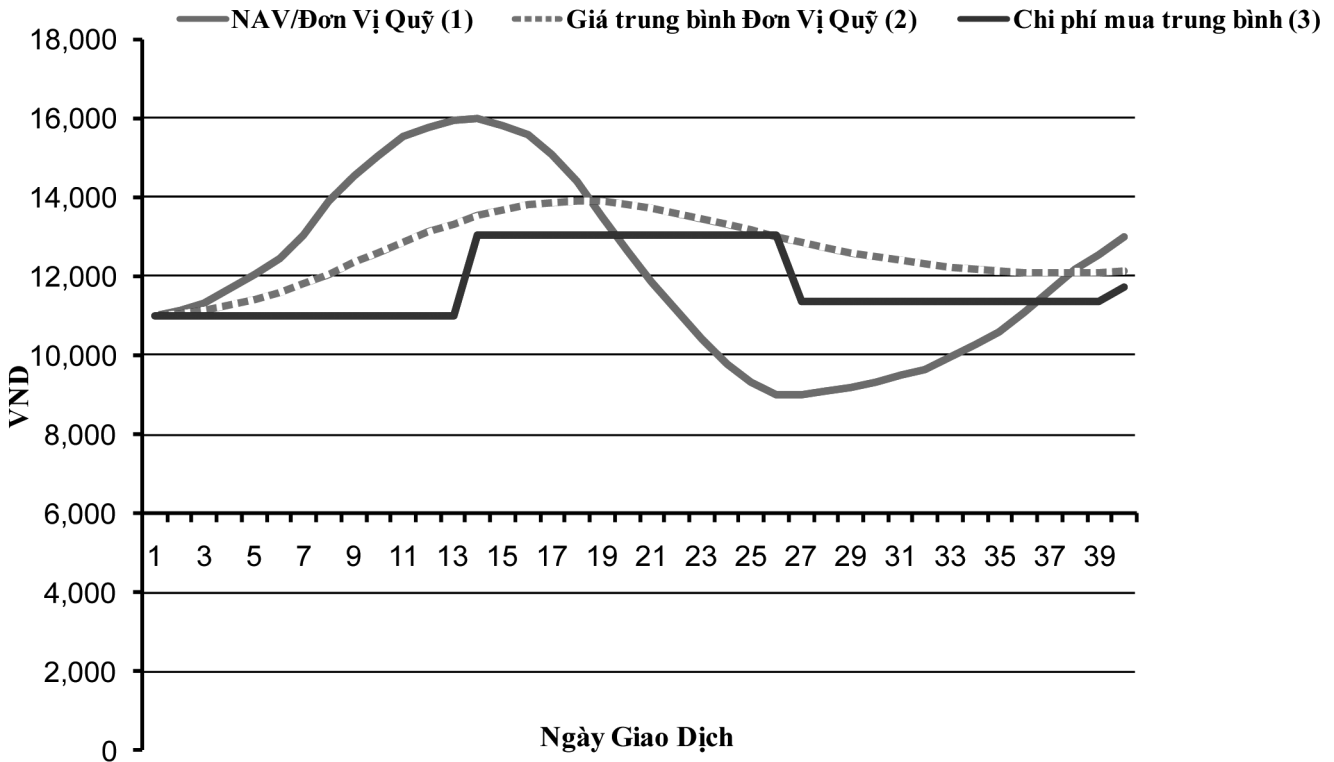
Quý	Mức đầu tư	Giá Bán	Số lượng đơn vị quỹ mua được
1	1.000.000	11.000	90,90
2	1.000.000	16.000	62,50
3	1.000.000	9.000	111,11
4	1.000.000	13.000	76,92
Tổng	4.000.000		341,44

$$\begin{aligned} \text{Giá bán trung bình/quý} &= (11.000+16.000+9.000+13.000)/4 \\ &= 12.250,00 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Chi phí đầu tư trung bình tính cho mỗi Đơn Vị Quỹ} &= 4.000.000/341,44 \\ &= 11.714,98 \end{aligned}$$

Ví dụ trên cho thấy lợi ích của chương trình đầu tư định kỳ SIP với một khoản đầu tư cố định định kỳ. Biểu đồ bên dưới cho thấy cũng với các số liệu giả định này, chi phí đầu tư trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ với khoản đầu tư cố định định kỳ luôn thấp hơn giá trung bình của Đơn Vị Quỹ, không phụ thuộc vào biến động của thị trường. Số lượng Đơn Vị Quỹ được mua nhiều hơn khi giá thấp và được mua ít hơn khi giá cao. Do đó, nhà đầu tư tự động hưởng lợi mà không cần phải theo dõi giá (NAV) hàng ngày.

Bảng 7: Sự thay đổi của chương trình đầu tư định kỳ SIP với các NAV giả định



Ghi chú:

- 1) NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ trong mỗi Ngày Giao Dịch
- 2) Giá trung bình Đơn Vị Quỹ nếu nhà đầu tư mua số lượng Đơn Vị Quỹ cố định cho mỗi Ngày Giao Dịch
- 3) Chi phí đầu tư trung bình trên mỗi Đơn Vị Quỹ nếu đầu tư một khoản cố định định kỳ tại NAV vào Ngày Giao Dịch đầu tiên của mỗi quý

Chìa khóa để đạt được lợi ích này là khi số lượng Đơn Vị Quỹ được mua nhiều hơn với giá thấp sẽ làm giảm chi phí đầu tư trung bình. Trong trường hợp của ông ABC, chi phí đầu tư trung bình cho mỗi đơn vị trước thời điểm đầu tư định kỳ Quý 3 đạt 13.037 đồng (mười ba nghìn không trăm ba mươi bảy đồng) cho mỗi Đơn Vị Quỹ trong khi giá của Đơn Vị Quỹ tại thời điểm đầu tư là 9.000 đồng (chín nghìn đồng) (và như vậy khoản đầu tư của ông ABC đang ghi nhận một khoản lỗ đáng kể). Tuy nhiên khoản đầu tư định kỳ trong quý 3 đã làm giảm chi phí đầu tư trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ xuống còn 11.341 đồng (mười một nghìn ba trăm bốn mươi một đồng). Với khoản đầu tư này, ông ABC sẽ ghi nhận lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư vào cuối quý 4, sau sự phục hồi của NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ.

Tuy nhiên, nhà đầu tư cần lưu ý rằng NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ biến động. Trước khi thực hiện bất kỳ chương trình đầu tư định kỳ SIP nào, nhà đầu tư cần lưu ý rằng chương trình này không đảm bảo mang lại lợi nhuận hoặc không đảm bảo nhà đầu tư không bị thua lỗ.

10.2 Sử Dụng Các Lệnh Tự Động Hoặc Lệnh Chờ Để Thực Hiện Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Các nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản cố định hàng tháng hoặc hàng quý. Tuy nhiên để tiết kiệm chi phí giao dịch, chu kỳ thông thường là hàng tháng hoặc hàng quý. Đại Lý Phân Phối sẽ có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đưa ra một chương trình SIP và tần suất thanh toán phù hợp. SIP cho phép thực hiện các chương trình tiết kiệm một cách kỷ luật. Nhà đầu tư có thể thay đổi mức đầu tư và/hoặc tần suất thanh toán bất cứ lúc nào (nhưng không dưới mức đầu tư tối thiểu) bằng cách thay đổi lệnh thực hiện SIP với Đại Lý Phân Phối và các lệnh thanh toán với ngân hàng của mình.

Nhiều ngân hàng tại Việt Nam cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp giúp nhà đầu tư có thể thực hiện một chương trình SIP. VCB, cổ đông lớn của VCBF, cung cấp các dịch vụ này thông qua dịch vụ Ngân hàng trực tuyến của mình cũng như thông qua mạng lưới chi nhánh và các phòng giao

dịch rộng khắp. Lệnh chờ thanh toán tại các ngân hàng cho phép các nhà đầu tư thực hiện một chương trình SIP với một số tiền và tần suất thanh toán cố định mà không cần phải nộp thêm các ủy nhiệm chi cho ngân hàng.

Lệnh chờ thanh toán thực hiện chương trình SIP cần được nộp tại ngân hàng mà nhà đầu tư có tài khoản.

10.3 Khoản Đầu Tư Tối Thiểu Cho Chương Trình SIP

Mức đầu tư tối thiểu áp dụng cho chương trình SIP cũng giống như mức đầu tư tối thiểu áp dụng cho trường hợp nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu hoặc các lần tiếp theo. Với một nhà đầu tư mới mở tài khoản, khoản đầu tư đầu tiên cho chương trình SIP là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng), các khoản đầu tư mức đầu tư tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý tiếp theo cho chương trình SIP là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng).

Các chương trình SIP có thời hạn tối thiểu là 1 (một) năm.

10.4 Ngày Thanh Toán và Thời Điểm Đóng Sở Lệnh cho các khoản đầu tư SIP

Ngày SIP là ngày thứ mười hàng tháng hoặc hàng quý. Nhà đầu tư cần thanh toán cho khoản đầu tư SIP hoặc cung cấp cho ngân hàng của họ lệnh chờ thanh toán SIP để Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền mua trước khi hết giờ làm việc của ngày mùng mười hàng tháng (cho SIP thanh toán hàng tháng) và vào ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười (cho SIP thanh toán hàng quý). Ngân Hàng Giám Sát hạch toán Đơn Vị Quỹ cho khoản đầu tư theo SIP vào Ngày Giao Dịch kế tiếp sau khi xác nhận nhận được tiền mua theo SIP.

10.5 Giảm Phí Cho Chương Trình SIP

Nhà đầu tư được giảm 20,0% (hai mươi phần trăm) Phí Mua nếu đồng ý đầu tư theo SIP cho 12 (mười hai) tháng liên tục, áp dụng cho SIP trả theo chu kỳ hàng tháng hoặc hàng quý. Nếu nhà đầu tư chấm dứt hoặc dừng SIP hoặc chuyển đổi sang quỹ khác trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày bắt đầu thực hiện chương trình, nhà đầu tư sẽ phải trả thêm một khoản phí bán là 0,4% (không phải bốn phần trăm)/ NAV ngoài khoản Phí Bán thông thường khi bán Đơn Vị Quỹ đã mua và đã được hưởng khoản giảm trừ Phí Mua theo SIP.

Nhà đầu tư không phải trả lại khoản giảm trừ Phí Mua cho SIP nếu dừng trong bất kỳ thời gian nào sau 12 (mười hai) tháng đã cam kết;

Để minh họa, nếu nhà đầu tư tham gia chương trình SIP với số tiền đóng hàng tháng là VNĐ 2.000.000 (hai triệu đồng), nhưng sau 6 (sáu) tháng nhà đầu tư dừng tham gia chương trình SIP và bán 50% số tiền đã đầu tư, thì Phí rời chương trình SIP sẽ được tính như Bảng 8 phí dưới. Để đơn giản, giá định NAV của Quỹ sẽ không thay đổi và thuế nếu có sẽ không bao gồm trong ví dụ.

Bảng 8: Ví dụ giảm Phí Mua trong chương trình SIP

Mục	Đơn vị	Số tiền
Khoản tiền mua SIP sau 6 tháng:	VND	$2.000.000 \times 6 = 12.000.000$
Phí Mua SIP:	%	$2,0\% \times (1 - 20,0\%) = 1,6\%$
Tổng Phí Mua SIP phải trả trong 6 tháng:	VND	$= 12.000.000 \times 1,6\% = 192.000$
Khoản phí giảm trừ trong 6 tháng	VND	$= 12.000.000 \times 0,4\% = 48.000$
Phí Bán và Phí rời SIP:		
Lệnh bán (50.0% số tiền đã đầu tư) sau 6 tháng	VND	6.000.000
Phí Bán phải trả:	VND	$1,0\% \times 6.000.000 = 60.000$
Phí rời SIP (0.4%):	VND	$0,4\% \times 6.000.000 = 24.000$
Tổng Phí Bán và Phí rời SIP:	VND	$60.000 + 24.000 = 84.000$
Tổng Phí Bán và Phí rời SIP theo % số tiền bán:	%	$84.000 / 6.000.000 = 1,40\%$

XI. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

1. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) cho mỗi Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.

NAV là tổng giá trị thị trường của các tài sản của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

$$\text{NAV/Đơn Vị Quỹ} = \frac{(\text{Tổng giá trị thị trường của tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ của Quỹ})}{\text{Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ}}$$

NAV được tính cho mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ như được định nghĩa tại Mục X.1 của Bản Cáo Bạch này và sẽ được tính làm tròn đến 2 (hai) số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba.

Ví dụ sau đây cho minh họa cách tính NAV của Quỹ cho một Ngày Định Giá T cụ thể theo các giả định được đưa ra:

Bảng 9: Bảng tính toán NAV giả định của một Quỹ

Khoản mục	Đơn vị	Giá trị
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1	VNĐ	80.000.000.000,00
Tiền và tương đương tiền tại ngày T-1	VNĐ	6.000.000.000,00
Tài sản khác tại ngày T-1	VNĐ	2.000.000.000,00
Nợ của Quỹ tại ngày T-1	VNĐ	10.000.000.000,00
Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại T-1	Đơn vị	7.000.000,00
Tổng tài sản tại ngày T-1		88.000.000.000,00
Trừ nợ của Quỹ tại ngày T-1		10.000.000.000,00
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T	=	78.000.000.000,00
NAV trên một Đơn Vị Quỹ:	=	78.000.000.000 / 7.000.000 = 11.142,85 VNĐ / đơn vị

NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và sẽ được công bố trên trang web của VCBF, www.vcbf.com, và trên các trang web hoặc các phương tiện truyền thông khác theo yêu cầu của Luật trong vòng 2 (hai) ngày kể từ Ngày Định Giá với điều kiện các trang điện tử này hoạt động bình thường. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho VCBF những sai sót trong tính toán NAV muộn nhất là ngày làm việc kế tiếp kể từ khi phát hiện ra sai sót.

2. NGÀY ĐỊNH GIÁ

Ngày Định Giá là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch (hiện tại là Thứ Tư hàng tuần) và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

3. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

3.1 Giá Trị Của Tài Sản

Việc định giá tài sản của Quỹ, bao gồm cả các quyền, và việc tính toán NAV của Quỹ sẽ phải theo các quy tắc và quy định áp dụng cho từng thời điểm, được quy định trong Điều Lệ và sẽ được kiểm toán hàng năm. Chính sách kế toán phải phù hợp với các quy định hiện hành. Chính sách định giá tài sản của Quỹ được quy định tại Sổ Tay Định Giá, được phê chuẩn bởi Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát với các nội dung cơ bản như sau:

1. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	+ Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá sạch “Clean price” từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận. Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.
6	Trái phiếu không niêm yết	+Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá + Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.

Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá
Các tài sản khác		
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Các tài sản được phép đầu tư khác Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.
- Hướng dẫn chi tiết các phương pháp Chiết khấu dòng tiền, phương pháp chỉ số định giá so sánh được quy định tại Sổ Tay Định Giá.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;

2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

1. Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ² điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ³
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

- 1 Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).
- 2 Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận
- 3 Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

3.2 Sở Tay Định Giá và Hội Đồng Định Giá

Trong trường hợp không có giá thị trường cho một khoản đầu tư của Quỹ, VCBF sẽ áp dụng Sở Tay Định Giá tuân thủ với Pháp Luật và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc xác định một phương pháp định giá để có thể ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó cho mỗi trường hợp cụ thể. Ước tính giá trị hợp lý là xác định một cách hợp lý nhất giá trị có thể bán được của khoản đầu tư trong một giao dịch hiện tại giữa hai bên sẵn sàng tham gia giao dịch. Việc định giá khoản đầu tư này sẽ được phê chuẩn của Hội Đồng Định Giá và nếu cần thiết, sẽ được phê chuẩn bởi Ban Đại diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cho mục đích xác định NAV của Quỹ.

Mục đích của Hội Đồng Định Giá là giám sát việc định giá của các khoản đầu tư của Quý, nghiên cứu và giải quyết bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong định giá và đảm bảo VCBF áp dụng thống nhất thông lệ quốc tế và trong nước trong việc xác định giá trị của các khoản đầu tư.

Nhà đầu tư nên lưu ý rằng chế độ kế toán Quý Mở theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định khác của Luật được ưu tiên hơn các thông lệ quốc tế tốt nhất trong trường hợp những quy định cụ thể được ban hành có thể khác với thông lệ quốc tế tốt nhất. Do đó, việc áp dụng chế độ kế toán theo quy định của Luật có thể làm NAV cao hơn hoặc thấp hơn so với nếu áp dụng thông lệ quốc tế. Sự khác biệt quan trọng giữa quy định hiện hành và thông lệ quốc tế xảy ra trong việc ghi nhận các khoản phải thu (chẳng hạn như mua cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua cổ phiếu), mà theo quy định của Luật chỉ có thể xảy ra vào ngày thanh toán và ngày xác nhận của trung tâm lưu ký (trong trường hợp cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua) (thay vì vào ngày giao dịch hoặc ngày không hưởng quyền theo tiêu chuẩn quốc tế).

XII. CÁC LOẠI PHÍ VÀ CHI PHÍ

1. PHÍ GIAO DỊCH

Các loại phí và chi phí liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Đơn Vị Quý sẽ do nhà đầu tư trả và không được tính vào chi phí của Quý. VCBF bảo lưu quyền thay đổi biểu phí này.

Các khoản phí giao dịch như sau:

1.1 Phí Mua

Phí Mua có thể được áp dụng khi nhà đầu tư mua các Đơn Vị Quý. Phí Mua được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh Mua, dù là mua lần đầu hay mua định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý, hay các lần mua tiếp theo, Phí Mua được tính trên giá trị thanh toán bởi nhà đầu tư cho mỗi Lệnh Mua tại Ngày Giao Dịch như sau:

Bảng 10: Biểu Phí Mua

Giá trị của Lệnh Mua – đồng	Phí Mua (% giá trị Lệnh Mua) (*)
1.000.000 VNĐ đến 500.000.000 VNĐ	2,0%
Trên 500.000.000 VNĐ đến 1.000.000.000 VNĐ	1,5%
Trên 1.000.000.000 VNĐ đến 10.000.000.000 VNĐ	1,0%
Trên 10.000.000.000 VNĐ đến 20.000.000.000 VNĐ	0,5%
Trên 20.000.000.000 VNĐ	0,0%

(*) Phí mua trong thời gian IPO được tính trên mệnh giá Đơn Vị Quý và Nhà đầu tư đăng ký mua trong thời gian IPO sẽ được hưởng mức giảm trừ 20% Phí Mua.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quý không phải chịu Phí Mua.

Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP hàng tháng hoặc hàng quý trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục sẽ được giảm trừ 20% Phí Mua như quy định chi tiết tại Mục X.9.4.

VCBF có thể thay đổi Phí Mua bất kỳ lúc nào. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

1.2 Phí Bán

Nhà đầu tư được khuyến khích nắm giữ các Đơn Vị Quý như một phần của các khoản đầu tư dài hạn và chương trình tiết kiệm hưu trí. Quý mở không được thiết kế cho mục đích mua bán ngắn hạn. Việc nhà đầu tư thường xuyên mua đi và bán lại Đơn Vị Quý, vốn được thiết kế để đạt được lợi nhuận dài hạn sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư khi đầu tư vào Quý cũng như lợi nhuận của Quý. Phí Bán được áp dụng cho NAV trên mỗi Đơn Vị Quý theo thời gian nắm giữ như sau:

Bảng 11: Biểu Phí Bán

Thời Gian Nắm Giữ	Phí Bán (% của NAV)
01 tháng hoặc ngắn hơn	3,0%
Trên 01 tháng đến 12 tháng	1,0%
Trên 12 tháng đến 24 tháng	0,5%
Trên 24 tháng	0,0%

Thời gian nắm giữ được tính toán cho mỗi lần mua, bán sử dụng phương pháp mặc định là mua trước, bán trước.

Phí Bán sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các nhà đầu tư khi thực hiện các Lệnh Bán và được hạch toán vào Quỹ như là một khoản thu nhập của Quỹ.

VCBF có thể thay đổi Phí Bán bất kỳ lúc nào. VCBF có quyền thay đổi cơ cấu phí để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng như đã đề cập tại Mục IV.11. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

1.3 Phí Chuyển Đổi Quỹ

Ngoại trừ trường hợp được miễn phí Chuyển Đổi Quỹ theo quy định của pháp luật, Phí Chuyển Đổi là mức chênh lệch giữa Phí Mua của Quỹ mục tiêu với Phí Mua của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không.

Lệnh Chuyển Đổi Quỹ sẽ không bị tính Phí Bán. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

1.4 Phí Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư phải trả một mức Phí Chuyển Nhượng duy nhất là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Phí Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán.

2. CHI PHÍ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ

Chỉ có các loại phí và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Xin lưu ý các phí dưới đây là các mức đang áp dụng và các phí này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các chi phí này bao gồm:

2.1 Phí Quản Lý

Phí quản lý được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho VCBF. Phí quản lý hàng năm cho Quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên NAV như sau:

Bảng 12: Biểu Phí Quản Lý

Quỹ	Phí Quản lý (% của NAV/năm)
Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBF-TBF)	1,5%/năm

2.2 Phí Ngân Hàng Giám Sát

Phí Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 21.000.000 VNĐ (Hai mươi một triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng một năm sau khi Quỹ đã được đăng ký và chấp thuận bởi UBCKNN. Phí Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

2.3 Phí Lưu Ký

Phí lưu ký là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 21.000.000 VNĐ (Hai mươi

một triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng một năm sau khi Quỹ đã được đăng ký và chấp thuận bởi UBCKNN. Phí lưu ký, bao gồm phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán của từng Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám Sát.

Tổng Phí Ngân Hàng Giám Sát và Phí Lưu Ký không vượt quá 0,15% NAV một năm.

2.4 Phí Quản Trị Quỹ

Phí Quản Trị Quỹ là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 105.000.000 VND (Một trăm linh năm triệu đồng) một năm. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng một năm sau khi Quỹ đã được đăng ký và chấp thuận bởi UBCKNN. Phí Quản Trị Quỹ, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho đơn vị Quản Trị Quỹ.

2.5 Phí Đại Lý Chuyển Nhượng

Phí Đại Lý Chuyển Nhượng là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 10.500.000 VND (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng một năm sau khi Quỹ đã được đăng ký và chấp thuận bởi UBCKNN. Phí Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng.

2.6 Phí Kiểm Toán

Phí Kiểm Toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

2.7 Phụ Cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các trách nhiệm. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2.8 Chi Phí Khác

- Phí môi giới cho các giao dịch của quỹ;
- Chi phí in ấn, ví dụ in các tài liệu cho nhà đầu tư theo quy định Pháp Luật;
- Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ Đại Hội Nhà Đầu Tư hay cuộc họp nào của Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Phí trả cho cơ quan quản lý khi xin chứng nhận IPO và chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.
- Phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác theo Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

XIII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên công ty:	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2/12/2005
Trụ sở chính:	Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	04 – 39364540
Fax:	04 – 39364 542
Chi nhánh:	Tầng 14, Centec Tower, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM
Thời hạn hoạt động:	30 năm
Vốn Điều Lệ:	55 (Năm mươi lăm) tỷ Đồng

1.1 Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

- Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“VCFB”) là công ty liên doanh giữa ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam, Vietcombank (“VCB”), nắm giữ 51,0% (năm mươi một phần trăm), và công ty quản lý quỹ toàn cầu, Franklin Templeton (“FTI”), nắm giữ 49,0% (bốn mươi chín phần trăm).
- VCFB cung cấp các cơ hội đầu tư đa dạng tại Việt Nam thông qua dịch vụ Quản lý Tài Sản (“QLTS”) và Quản lý Quỹ Đầu tư (“QLQĐT”).
- VCFB có tổng cộng 10 nhân viên đầu tư với thời gian làm việc tại VCFB trung bình gần 5 năm. VCFB có tổng cộng 7 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của SSC.
- VCFB hiện đang quản lý tổng tài sản (“AUM”) trị giá khoảng 1,7 nghìn tỷ VNĐ (một phẩy bảy nghìn tỷ đồng), tương đương 81,3 triệu USD (tám một phẩy ba triệu đô la Mỹ) tính đến thời điểm 31/12/2012, trong đó 191,7 tỷ VNĐ (một trăm chín một phẩy bảy tỷ đồng) thuộc 2 (hai) quỹ đầu tư vào các công ty tư nhân (“PE”) và 1,5 nghìn tỷ VNĐ (một phẩy năm nghìn tỷ đồng) thuộc các hợp đồng ủy thác quản lý tài sản và các danh mục đầu tư được chỉ định khác.
- VCFB thành lập bộ phận QLTS vào giữa năm 2009, dựa trên nền tảng thế mạnh quản lý tài sản toàn cầu của FTI và kinh nghiệm về thị trường trong nước có được từ sự thành công của Quỹ đầu tư vào các công ty tư nhân. Các danh mục đầu tư ủy thác từ các khách hàng tổ chức có mục tiêu đầu tư, thời hạn đầu tư và tỷ trọng trái phiếu, cổ phiếu khác nhau phù hợp với yêu cầu của từng nhà đầu tư. Danh mục ủy thác của VCFB có kết quả hoạt động thường xuyên tốt hơn so với lợi nhuận tham chiếu.
- Trang thông tin điện tử của VCFB: www.vcbf.com

1.2 Ban Điều Hành của VCFB

Ông Avinash D. Satwalekar, CFA **Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư**

Ông Avinash Satwalekar gia nhập VCFB vào tháng 5 năm 2012. Ông giám sát tất cả các hoạt động chung và hoạt động đầu tư của Quỹ do VCFB quản lý.

Trước khi gia nhập VCFB, ông Avinash Satwalekar là Giám đốc Quản lý danh mục đầu tư và chuyên viên phân tích và phân tích cấp cao của bộ phận dịch vụ tư vấn đầu tư Franklin Portfolio Advisors (“FPA”), một bộ phận của Franklin Templeton Portfolio Advisors (“FTPA”). Ông là thành viên của nhóm quản lý danh mục chứng khoán có vốn hóa nhỏ tăng trưởng cao của Franklin (Franklin Small Cap Growth) và là quản lý danh mục chính cho các tài khoản với chiến lược đầu tư chứng khoán vốn hóa nhỏ của FPA. Ông Avinash Satwalekar có 16 (mười sáu) năm kinh nghiệm đầu tư.

Ông Satwalekar có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học Bombay, Ấn Độ và bằng MBA về tài chính của Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania. Ông là thành viên của hiệp hội CFA và là thành viên Hiệp hội CFA San Francisco (CFASF).

Ông Đàm Hải Giang **Phó Tổng Giám đốc VCFB**

Ông Giang chính thức gia nhập vào VCFB từ tháng 8 năm 2009 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội. Ông cũng là một thành viên của Hội Đồng Quản Trị.

Ông Giang làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCB”) từ năm 1994 và nắm giữ nhiều chức vụ trong bộ phận tín dụng của ngân hàng VCB cho đến năm 2002. Ông là Trưởng phòng Tài trợ Dự án từ năm 2002 đến năm 2008. Trước khi gia nhập VCFB, ông là Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng của Ngân hàng.

Ông Giang tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng của trường Đại học tổng hợp Wales, Bangor, Vương quốc Anh và Cử nhân của trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam.

1.3 Ban Điều Hành Quỹ

Ông Avinash D. Satwalekar, CFA
Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư

Trong vị trí kiêm nhiệm Giám Đốc Đầu tư, Ông Avinash Satwalekar giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ và sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc phân bổ tài sản, các quyết định đầu tư và thoái vốn của Quỹ (xem chi tiết ở phần XIII.1.2 ở trên)

Bà Ngô Phương Anh
Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư

Bà Phương Anh gia nhập VCBF từ tháng 4 năm 2006 và làm việc tại văn phòng Hồ Chí Minh. Ngoài trách nhiệm liên quan đến quỹ mở, Bà Phương Anh là Trưởng phòng Quản lý Danh mục phụ trách một số danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Trước đó bà Phương Anh là Trưởng phòng Phân tích chịu trách nhiệm giám sát và phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Bà bắt đầu làm việc tại VCBF với vị trí chuyên viên đầu tư trong nhóm đầu tư cổ phần tư nhân, phụ trách ngành dược phẩm, sản xuất thực phẩm và các ngành sản xuất khác. Bà Phương Anh có 9 (chín) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và kiểm toán.

Bà Phương Anh có bằng Thạc sỹ Kinh tế Tài chính của Đại học Gothenburg, Thụy Điển, và bằng Cử nhân Quản trị Doanh nghiệp chuyên ngành Đầu tư, Tài chính và Ngân hàng loại giỏi của Đại học Wisconsin – Madison, Hoa Kỳ.

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga, CFA
Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư

Bà Nga gia nhập VCBF vào tháng 6 năm 2006 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội.

Ngoài trách nhiệm liên quan đến quỹ mở, Bà Nga là Trưởng phòng Quản lý Danh mục phụ trách một số danh mục đầu tư cho một số nhà đầu tư tổ chức. Trước đó bà Nga là Trưởng phòng Phân tích chịu trách nhiệm giám sát, và phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Bà bắt đầu làm việc tại VCBF với vị trí chuyên viên đầu tư trong nhóm đầu tư cổ phần tư nhân, phụ trách ngành dịch vụ tài chính và hàng tiêu dùng. Bà Nga có 12 (mười hai) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và kiểm toán.

Bà Nga có bằng Thạc sỹ Thương mại (Cao cấp), với hai chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Kế toán, Đại học Queensland, Úc và có bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán của Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà còn là thành viên Hiệp hội CFA Singapore.

1.4 Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF

Hội đồng Quản trị VCBF bao gồm 5 thành viên đại diện cho các bên liên doanh, chịu trách nhiệm về mặt chiến lược phát triển của VCBF. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều có vai trò tích cực và có đóng góp quan trọng dựa trên nền tảng kinh nghiệm về thị trường trong nước và thế giới.

• **Ông Phạm Quang Dũng**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị VCBF và Phó Tổng Giám đốc VCB

Ông Dũng là Thành viên Hội đồng quản trị ngay từ khi VCBF được thành lập và hiện tại là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Dũng có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng quốc tế của Đại học Birmingham, Vương quốc Anh và là Cử nhân Tài chính Ngân hàng của Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

• **Ông Stephen Grundlingh**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị VCBF và Giám đốc Khu vực Đông Nam Á, FTI

Ông Grundlingh tham gia vào Hội đồng quản trị vào tháng 11 năm 2008 và trước đây là Tổng Giám đốc của VCBF từ khi FTI trở thành cổ đông của VCBF vào tháng 2 năm 2008 đến tháng 11 năm 2008.

Ông Stephen tốt nghiệp Cử nhân Luật và Chính trị của trường Đại học Stellenbosch, Nam Phi.

• Ông Phạm Chí Quang

Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Trưởng phòng Đầu tư và Kinh doanh Vốn của VCB

Ông Quang được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF vào tháng 11 năm 2010.

Ông Quang có bằng Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Thạc sỹ Kinh tế Phát triển Khoa nghiên cứu xã hội của Đại học Erasmus, Rotterdam, Hà Lan và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (chuyên ngành tập trung chiến lược) của trường Đại học Edinburg, Vương quốc Anh.

• Ông Dennis Lim

Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Giám đốc Điều hành cấp cao và Giám đốc Quản lý Danh mục FTI

Ông Dennis Lim là Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF từ tháng 3 năm 2008 và cũng nằm trong Hội đồng Đầu tư của quỹ cổ phần tư nhân nước ngoài của VCBF.

Ông Lim có bằng Cử nhân của Trường đại học Quốc gia Singapore và có bằng Thạc sỹ của Trường đại học Wisconsin-Milwaukee, Hoa Kỳ.

• Ông Đàm Hải Giang

Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Phó Tổng Giám đốc VCBF

Ông Giang gia nhập VCBF vào tháng 8 năm 2009 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội. Ông còn là Phó Tổng Giám đốc VCBF (xem Mục XIII.1.2 ở trên để biết thêm thông tin).

2. CÁC BÊN LIÊN DOANH CỦA VCBF

2.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”)

- Niêm yết trên HOSE (mã: VCB), với tổng vốn hóa xấp xỉ 3,1 (ba phẩy một) tỷ đô la Mỹ (tính đến 30/06/2013), VCB được xem là ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam trong nhiều mảng hoạt động dựa trên năng lực tài chính mạnh và dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam
- VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam với tổng tài sản trị giá 18,7 (mười tám phẩy bảy) triệu đô la Mỹ (tính đến 30/06/2012), chiếm 8% (tám phần trăm) tổng tài sản của hệ thống ngân hàng trong nước và có tỷ suất lợi nhuận cao nhất so với các ngân hàng đa năng và tổ chức tài chính tại Việt Nam.
- VCB có mạng lưới rộng khắp với trên 12.900 (mười hai nghìn chín trăm) nhân viên, 80 (tám mươi) chi nhánh và 300 (ba trăm) phòng giao dịch trên khắp cả nước.
- VCB dẫn đầu thị trường về mảng ngân hàng bán buôn tại Việt Nam và có vị trí vượt trội về mảng tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế với thị phần khoảng 20% (hai mươi phần trăm), cũng như mảng cho vay cho ngành xuất khẩu. VCB cũng dẫn đầu thị trường giao dịch ngoại hối.
- VCB thường xuyên được ghi nhận là ngân hàng được quản lý tốt nhất và minh bạch nhất tại Việt Nam, vì vậy có vị thế tốt, đặc biệt là trong điều kiện khó khăn.
- VCB đã công bố hợp tác chiến lược với Ngân hàng Mizuho vào tháng 9/2011, trong đó Mizuho mua lại 15% (mười lăm phần trăm) cổ phần của ngân hàng. Việc hợp tác chiến lược này sẽ giúp tăng cường năng lực toàn cầu cho VCB.
- Trang thông tin điện tử của VCB: www.vietcombank.com.vn

2.2 Franklin Templeton (“FTI”)

- FTI là công ty quản lý quỹ toàn cầu được thành lập tại New York năm 1947. Niêm yết trên sàn chứng khoán New York, NYSE (Mã: BEN) với tổng vốn hóa 28,92 tỷ USD (hai mươi tám phẩy chín hai tỷ Đô la Mỹ) (tính đến ngày 30/06/2013). FTI có mặt trên toàn cầu với hơn 30 (ba mươi) văn phòng phục vụ cho khách hàng đến từ 150 quốc gia.
- FTI quản lý đầu tư cho các cá nhân, tổ chức, quỹ hưu trí, quỹ tín thác, các tổ chức hợp danh và các khách hàng khác trên toàn cầu. FTI cung cấp các giải pháp đầu tư bao gồm quỹ tương hỗ, Quỹ tiết kiệm hưu trí và Quỹ tiết kiệm cho giáo dục đại học. Các sản phẩm đầu tư được cung cấp bởi ba nhóm quản

lý đầu tư độc lập đẳng cấp quốc tế: Franklin, Templeton và Mutual Series. Tổng tài sản FTI đang quản lý tính đến 30/06/2013 đạt 815 tỷ USD (Tám trăm mười lăm tỷ đô la Mỹ).

- Trong số 114 (một trăm mười bốn) quỹ, 26 (hai mươi sáu) quỹ của FTI được Morningstar xếp hạng bốn hoặc năm sao tại ngày 31/12/2012, tức là Quỹ này nằm trong top 22,5% (hai mươi hai phần trăm) quỹ hoạt động tốt nhất trong Quỹ được xếp hạng theo phương pháp đánh giá lợi nhuận điều chỉnh theo rủi ro của Morningstar.
- Phương thức tổ chức quản lý thông qua ba nhóm quản lý quỹ đầu tư độc lập giúp FTI cung cấp các kinh nghiệm đầu tư chuyên sâu và riêng biệt đối với các phân lớp tài sản chủ yếu và các phương thức đầu tư khác nhau trên một cơ sở hạ tầng đồng nhất. Do đó FTI cung cấp đến cho nhà đầu tư các cơ hội đa dạng hoá đầu tư thực sự và “kinh nghiệm của đa số với các thể mạnh đồng nhất”.
- FTI có mặt rộng khắp tại Châu Á và là một trong những quỹ đầu tư nước ngoài sớm nhất tại Việt Nam với việc thành lập quỹ Templeton Vietnam Opportunities Fund, Inc, một quỹ đóng niêm yết trên sàn chứng khoán New York giữa những năm 90 thế kỷ trước, do Tiến sỹ Mark Mobius quản lý và có văn phòng đại diện tại Việt Nam kể từ năm 2008. FTI trở thành đối tác liên doanh với VCB tại VCBF vào năm 2008.
- Trang thông tin điện tử của FTI: www.franklintempleton.com

3. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại Diện Quỹ được lập ra để giám sát hoạt động của VCBF và các nhà cung cấp dịch vụ với đại đa số thành viên độc lập với VCBF và với Ngân Hàng Giám Sát để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư. Vai trò và chức năng của Ban Đại Diện Quỹ được điều chỉnh bởi Luật và Điều lệ (như được tóm tắt ở Mục XVII).

Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra bằng phương pháp lấy ý kiến trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Các ứng cử viên của Ban Đại Diện Quỹ như sau:

1. Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên độc lập - Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Ông Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư và tư vấn đầu tư. Ông là sáng lập viên và hiện đang giữ chức vụ Giám đốc công ty TNHH MDKT, một công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư, tư vấn, môi giới bất động sản, tư vấn quản lý. Trước đó ông đã từng đảm nhiệm các vị trí chuyên viên cao cấp về đầu tư tại Tập đoàn Temasek Holding, Singapore, Chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển của Ngân hàng OCBC, Singapore, Chuyên viên về cấu trúc tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Commonwealth của Úc, New York, Mỹ và Chuyên viên phân tích của ngân hàng đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore.

Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của Đại học Chicago (Hoa Kỳ), bằng Cử nhân Tài chính Ứng dụng của Đại học Macquarie (Úc) và bằng Cử nhân thương mại của Đại học Macquarie (Úc).

2. Bà Phạm Thị Phương Nhi – Thành viên độc lập

Bà Nhi có 10 năm kinh nghiệm kế toán, kiểm toán. Bà Nhi hiện là Trưởng phòng kế toán công nợ Công ty TNHH Novellus System, Vietnam. Bà đã đảm trách các vị trí chuyên viên định giá, quản lý kế toán tại các công ty IBM Việt Nam, Queensland Treasury Corporation (Úc) và kiểm toán viên chính tại KPMG Việt Nam.

Bà Nhi có bằng Thạc sỹ thương mại (cao cấp), hai chuyên ngành Tài chính thực hành và Kế toán chuyên nghiệp của Đại học Queensland (Úc) và có bằng Cử nhân kinh tế đối ngoại của Đại học Ngoại thương (Việt Nam). Bà đang hoàn thành giai đoạn cuối cùng để lấy chứng chỉ của Hiệp hội Kế toán viên công chứng Anh quốc (ACCA).

3. Bà Nguyễn Thu Hương – Thành viên

Bà Hương có 9 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực luật. Bà Hương gia nhập VCBF từ tháng 4 năm 2010 và hiện chịu trách nhiệm về toàn bộ các vấn đề pháp lý của VCBF. Trước khi tham gia VCBF, bà là trưởng phòng tư vấn luật đầu tư tại tập đoàn Investconsult, một tập đoàn chuyên tư vấn đầu tư trong và ngoài nước và chuyên viên pháp lý tại Bộ Tư Pháp Việt Nam.

Bà Hương tốt nghiệp Thạc Sĩ Luật của trường Đại Học Nagoya, Nhật Bản và có bằng cử nhân Luật của Đại Học Quốc Gia Hà Nội, chuyên ngành Luật Kinh Tế.

4. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1 Ngân Hàng Giám Sát và Lưu ký

- Deutsche Bank AG - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Đăng ký Kinh doanh số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995
- Giấy phép Hoạt động Lưu ký số 09/GP HĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000
- Địa chỉ: Tầng 14, 65 Lê Lợi, Tòa nhà Saigon Center, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +848 6299 9000 Fax: +848 3824 4602
- Hoạt động kinh doanh chính: các dịch vụ ngân hàng và tài chính như được cấp phép trong Giấy phép.

Ngân Hàng Giám Sát thực hiện vai trò giám sát các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong quản trị và điều hành Quỹ và phải độc lập với Công ty Quản lý Quỹ, có các nhân viên đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong vai trò của mình và đảm bảo rằng tất cả tài sản của Quỹ được đăng ký và lưu ký đầy đủ.

Ngân hàng Lưu ký sẽ lưu ký tất cả chứng khoán và các công cụ khác thuộc về Quỹ một cách an toàn để đảm bảo các việc mua bán các chứng khoán và các công cụ khác được thực hiện một cách suôn sẻ và kịp thời khi cần thiết để bảo vệ lợi ích tốt nhất của nhà đầu tư, và đảm bảo rằng tất cả các quyền lợi liên quan đến tài sản được bảo vệ. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thu phí từ Quỹ theo hợp đồng dịch vụ lưu ký.

4.2 Đại Lý Phân Phối

Danh sách Đại Lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới UBCK theo quy định của Pháp Luật. Danh sách Đại lý Phân phối tại thời điểm ban đầu bao gồm:

1. Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (“SSI”)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Đăng ký kinh doanh số: 03/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 4 năm 2002.

2. Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (“VCBS”)

Địa chỉ: Tầng 17, Cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đăng ký kinh doanh số: 09/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 4 năm 2002.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”)

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy phép lưu ký số 14/GPHDLK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 5 năm 2003.

4.3 Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được liệt kê tại Phụ Lục 2. Các thay đổi về danh sách Đại Lý Phân Phối và Điểm Nhận Lệnh sẽ được cập nhật tại Phụ Lục này và được thông báo trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu Tư ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

4.4 Tư Vấn Pháp lý

Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội

Phòng 1001, tầng 10, Indochina Plaza Hà Nội
239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Đăng ký kinh doanh số: 81/BTP/GP do Bộ Tư Pháp cấp ngày 10 tháng 8 năm 2009 .

4.5 Tài Khoản Giao Dịch Chứng Khoán

Quý sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán ở các công ty chứng khoán sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
72 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Đăng ký kinh doanh số: 03/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 4 năm 2002

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
67 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Đăng ký kinh doanh số: 068/UBCK-GP ngày 06 tháng 11 năm 2007

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 17, Cao ốc Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Đăng ký kinh doanh số: 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002.

4.6 Đại Lý Được Ủy Quyền

4.6.1 Đại Lý Chuyển Nhượng

Deutsche Bank AG Chi nhánh Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Tầng 14, 65 Lê Lợi, Tòa nhà Saigon Center, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: +848 6299 9000 Fax: +848 3824 4602
Đăng ký Kinh doanh số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995
Giấy phép Hoạt động Lưu ký số 09/GP HĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000

VCBF đã kiểm tra và xác nhận rằng Chi nhánh Hồ Chí Minh của Ngân hàng Deutsche Bank AG có thể cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu và có đủ trang thiết bị, bao gồm hệ thống công nghệ và lưu trữ dữ liệu, để thực hiện các nghĩa vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng theo các quy định của pháp luật và có đủ khả năng để giải quyết các khiếu nại của nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ cũng xác nhận rằng Chi nhánh Hồ Chí Minh của Ngân hàng Deutsche Bank AG đã đăng ký với SSC để tiến hành các dịch vụ này theo hai Giấy phép hoạt động trên và đăng ký này vẫn còn hiệu lực.

4.6.2 Quản Trị Quỹ

Deutsche Bank AG Chi nhánh Hồ Chí Minh
Đăng ký Kinh doanh số số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995
Địa chỉ: Tầng 14, 65 Lê Lợi, Tòa nhà Saigon Center, TP Hồ Chí Minh
Giấy phép Hoạt động Lưu ký số 09/GP HĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000

XIV. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VCBF có nghĩa vụ, theo Điều lệ và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của nhà đầu tư và quản lý một cách công bằng, minh bạch đối với tất cả các quỹ do Công ty quản lý. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Giao dịch với người có liên quan của VCBF sẽ cấu thành xung đột lợi ích tiềm tàng. Người Có Liên Quan của VCBF bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB), Công ty Franklin Templeton Investments Singapore (“FTI”), thành viên Hội Đồng Quản Trị của VCBF, thành viên Ban Điều Hành (Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc) của VCBF và các tổ chức, cá nhân khác được coi là người có liên quan của VCBF theo quy định của Pháp Luật. Quý có thể có một số giao dịch với các bên được coi là người có liên quan của VCBF như sau:

Bảng 13: Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tên của người có liên quan trong giao dịch	Bản chất giao dịch	Bản chất quan hệ
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (“VCBS”)	Giao dịch chứng khoán Phân phối chứng chỉ quỹ Đầu tư vào Quỹ	“VCBS” là Đại Lý Phân Phối 100% thuộc quyền sở hữu của VCB và VCB sở hữu 51% của VCBF
Vietcombank (“VCB”)	Gửi tiền có kỳ hạn Phân phối chứng chỉ quỹ	VCB sở hữu 51% vốn của VCBF
Công ty Franklin Templeton Investments (“FTI”)	Đầu tư vào Quỹ	FTI sở hữu 49% vốn của VCBF

Trong tất cả các trường hợp, các giao dịch phải là giao dịch công bằng và vì lợi ích của nhà đầu tư.

Tất cả các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích tiềm tàng phải được tư vấn và chấp thuận bởi VCBF và phải được công bố cho nhà đầu tư. Tuy nhiên VCBF sẽ cố gắng hết sức để tránh các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích mà không thể quản lý được một cách thích đáng.

Người có liên quan của VCBF được phép giao dịch Đơn Vị Quỹ theo phương thức giống như các nhà đầu tư khác như quy định tại Mục X.

Theo Pháp Luật, tất cả các giao dịch Đơn Vị Quỹ của Ban Điều Hành và nhân viên phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi thực hiện giao dịch.

XV. THUẾ

Thông tin cung cấp ở đây chỉ cho mục đích chung và được dựa trên các quy định Pháp Luật và thực tiễn hiện đang áp dụng tại Việt Nam, và không thể được coi là tư vấn liên quan đến các vấn đề về thuế hoặc pháp luật của việc đầu tư của nhà đầu tư hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ vào Quỹ. Nhà đầu tư và Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần nhận thức rằng các quy định về thuế có liên quan và việc diễn giải các quy định này có thể thay đổi. Không có sự đảm bảo rằng quy định về thuế hiện hành tại thời điểm đầu tư vào các Đơn Vị Quỹ sẽ tồn tại vô hạn định.

Do các quy định về thuế áp dụng cho từng cá nhân cụ thể, từng nhà đầu tư /Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính của việc đầu tư vào Quỹ.

Bản tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với nhà đầu tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008 và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là Thông tư 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng tư năm 2012, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006 và Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010.

Bảng 14: Tóm tắt các loại thuế áp dụng cho các nhà đầu tư

Nhà đầu tư	Thuế đối với nhà đầu tư phát sinh từ		
	Cổ tức	Bán lại Đơn Vị Quỹ	Quà tặng/ Thừa kế
Cá nhân cư trú người Việt Nam	5% (*)	0,1% giá trị giao dịch(*) hoặc 20% của lãi ròng (nếu nhà đầu tư đăng ký trước phương thức tính toán thứ hai trên)	10% * giá trị chứng khoán cao hơn 10 triệu VNĐ
Cá nhân cư trú người nước ngoài	5% (*)	0,1% giá trị giao dịch (*)	10% * giá trị chứng khoán cao hơn 10 triệu VNĐ
Nhà đầu tư là tổ chức trong nước	25%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế (*)	Lợi nhuận từ việc bán Đơn Vị Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế của nhà đầu tư tổ chức, thuế suất 25%	Lợi nhuận từ Quà tặng/Thừa kế Đơn Vị Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế của nhà đầu tư tổ chức, thuế suất 25%
Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài	25%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế (*)	0,1% giá trị giao dịch (*)	0,1% giá trị giao dịch (*) (**)

(*) Khấu trừ thuế tại nguồn

(**) Không có quy định cụ thể về việc đánh thuế nhà đầu tư tổ chức nước ngoài nhận quà tặng/thừa kế dưới hình thức chứng khoán. Tuy nhiên, việc nhận quà tặng/thừa kế sẽ dẫn đến giao dịch chuyển nhượng chứng khoán. Theo quy định tại Thông tư 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng tư năm 2012, mức thuế đánh trên giao dịch chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% giá trị chuyển nhượng của chứng khoán. Vì vậy, rất có khả năng nhà đầu tư sẽ phải trả mức thuế 0,1% trên giá trị chứng khoán trong giao dịch quà tặng/thừa kế.

XVI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Năm Tài Chính của Quỹ kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Hàng tháng, quý, năm VCBF sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Đối với nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, VCBF sẽ gửi thống kê giao dịch và sao kê tài khoản phụ nếu Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có yêu cầu bằng văn bản. Thời hạn cung cấp thông tin là trong vòng 5 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

2. BÁO CÁO QUỸ

VCBF sẽ công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin sau:

- Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán ;
- Báo cáo hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do SSC quy định.
- Bản cáo thống kê phí giao dịch của hoạt động đầu tư của quỹ hàng năm và bán niên.

- d. Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu SSC quy định.
- e. Báo cáo hoạt động của quỹ và thống kê phí giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản cáo bạch cập nhật sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhật ít nhất một lần một năm.

3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho nhà đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ

4. GỬI BÁO CÁO

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của VCBF, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ hoặc được cung cấp tới các Đại Lý Phân Phối. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XVII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ

Điều Lệ của Quỹ bao gồm 13 chương, 63 điều và 3 phụ lục. Nội dung của Điều Lệ được tóm tắt như sau:

Chương I: Các quy định chung

Chương này cung cấp thông tin liên quan đến tên, địa chỉ, nguyên tắc tổ chức của Quỹ, đại diện theo pháp luật của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát của Quỹ. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng) khi thành lập và mỗi Đơn Vị Quỹ có cùng mệnh giá 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)

Chương II: Quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư

Chương này quy định các mục tiêu, chiến lược và hạn mức đầu tư, hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ và phương pháp lựa chọn đầu tư. Nội dung của các quy định tại chương này cũng được quy định cụ thể tại Chương VI và Chương VII của Bản Cáo Bạch này.

Chương III: Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, Sổ Đăng Ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đều được quy định cụ thể tại Chương này. Sổ Đăng Ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chính hay còn gọi là Sổ Chính là tài liệu chứng nhận quyền sở hữu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với Chứng Chỉ Quỹ, lưu những thông tin cần thiết về Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và số lượng Đơn Vị Quỹ họ sở hữu. Thông tin về giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, phí, giá mua và bán Đơn Vị Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 16 và Điều 18 của Điều Lệ. Nội dung của 2 điều này cũng được phản ánh tại Chương X và Chương XII của Bản Cáo Bạch.

Chương IV: Đại Hội Nhà Đầu Tư

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư. Tất cả Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký đều có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên hoặc bất thường. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức vào ngày 15 tháng 4 hàng năm. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được tổ chức theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi số lượng Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất 51,0% (năm mươi một phần trăm) của số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Nếu trong thời hạn 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm đại hội được ấn định bắt đầu, mà số lượng tham dự cần thiết không đủ, đại hội sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất bị giải tán, cuộc họp đại hội lần thứ hai sẽ được tiến hành mà không cần đủ số lượng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có mặt theo quy định trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đã định cho Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất.

Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền:

- a. Thông qua các sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Hợp đồng Giám sát;
- b. Thay thế Ngân Hàng Giám Sát.
- c. Thông qua những thay đổi cơ bản về chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ hoặc kế hoạch phân phối lợi nhuận;
- d. Thông qua việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ;
- e. Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ; chia tách Quỹ;
- f. Giải thể Quỹ;
- g. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại Diện Quỹ; thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động thường niên của Quỹ;
- h. Thông qua việc tăng phí thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
- i. Chấm dứt và thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ;
- j. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b đến điểm i nêu trên nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Chương V: Ban Đại Diện Quỹ

Ban Đại Diện Quỹ được thành lập để đại diện cho quyền lợi của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và quyết định các vấn đề khác theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba thành viên độc lập với Công Ty Quản Lý Quỹ. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng các tiêu chí bao gồm có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm thành lập hoặc quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm, hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc có bằng cử nhân thuộc một trong các chuyên ngành đó.

Ban Đại Diện Quỹ sẽ thông qua danh sách tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; danh sách các ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được ủy quyền đầu tư; các giao dịch tài sản của Quỹ trong thẩm quyền giao dịch của mình dưới dạng đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán không được đăng ký giao dịch, thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý các tổn thất phát sinh trong quá trình hoạt động, quyết định các vấn đề xung đột giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám sát; yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về Quỹ dưới quyền quản lý và giám sát.

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư và yêu cầu thông tin về Quỹ từ Công Ty Quản Lý Quỹ và việc thực thi các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc miễn nhiệm trong một trong các trường hợp sau:

- a. miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. vi phạm một cách nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thích đáng;
- d. chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc các nguyên nhân khác theo quy định của Luật để thực hiện vai trò là thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. bị kiện cáo hoặc truy tố, hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác mà có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ

Một cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba thành viên có mặt, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất 51% (năm một phần trăm). Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập thành biên bản. Chủ tọa và thư ký được bổ nhiệm tại cuộc họp, nếu được bổ nhiệm, cùng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 là Công Ty Quản Lý Quỹ của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ.

Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm phải hoạt động vì lợi ích của nhà đầu tư, hoạt động một cách công bằng và trung thực với tất cả quỹ, tránh các xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong các trường hợp mà xung đột lợi ích là không thể trách khỏi. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị của mình có đầy đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư và tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của một Quỹ để tái đầu tư vào một quỹ đại chúng khác; sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà mình quản lý; sử dụng tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc khách hàng mình đang quản lý danh mục để đầu tư vào Quỹ; sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc đảm bảo bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc bất kỳ người liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho mình hoặc cho người liên quan hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào khác; thực hiện bất cứ hoạt động vi phạm Pháp Luật nào khác.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
- b. Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
- c. Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.

Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Chương VII: Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;

2. Không được là người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ.

Ngân Hàng Giám Sát tại bất kỳ thời điểm nào phải hoạt động vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và tuân thủ theo Pháp Luật, Điều Lệ và Hợp Đồng Giám Sát.

Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
- b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
- c. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng lưu ký và hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành.

Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

Chương IX: Đại Lý Phân Phối

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ nếu tổ chức đó đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.

Hoạt động và nguyên tắc phân phối Chứng Chỉ Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 44 và 45 của Điều Lệ.

Chương X: Kiểm toán, Kế toán và chế độ Báo cáo

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng tiền sử dụng trong kế toán và giao dịch của Quỹ là Đồng Việt

Nam. Năm tài chính của Quỹ được xác định là năm dương lịch kết thúc ngày 31.12. Nếu Quỹ hoạt động dưới 3 tháng trong năm đầu tiên, năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ kết thúc vào ngày 31.12 của năm tiếp theo.

Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm tính toán NAV nhưng cũng có thể thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. NAV cung cấp giá trị tài sản ròng của Quỹ một cách chính xác và hợp lý. Phương pháp xác định NAV được đưa ra dựa trên hướng dẫn định giá được Công Ty Quản Lý Quỹ lập và được Ngân Hàng Giám Sát chấp nhận. Hướng dẫn định giá quy định các nguyên tắc định giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh. Những thay đổi trong hướng dẫn định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý. Một Hội Đồng Định Giá sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lập ra để xác định giá hợp lý theo hướng dẫn định giá khi cần thiết.

Ngân Hàng Giám Sát phải xác nhận NAV và NAV trên một Đơn Vị Quỹ. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được bồi thường thiệt hại trong trường hợp các giao dịch được thực hiện dựa trên NAV không chính xác với sai số trên 0,75% (không phẩy bảy mươi lăm phần trăm) cho Quỹ trái phiếu và trên 1,0% (một phần trăm) cho Quỹ khác. Khi Quỹ bị định giá sai và gây thiệt hại cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được Quỹ đền bù. Nếu Quỹ chịu thiệt hại, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải đền bù cho Quỹ.

Chương XII: Lợi nhuận và chi phí của Quỹ

Lợi nhuận được phân phối theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có sẵn lợi nhuận để phân phối và sau khi được Ban Đại Diện Quỹ thông qua. Lợi nhuận có thể được trả bằng tiền hoặc để Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tái đầu tư vào Quỹ. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền ghi rõ sự lựa chọn của mình là nhận tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ trong đơn đăng ký. Chi phí hoạt động của Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 57 của Điều Lệ. Chương XII.2 của Bản Cáo Bạch cũng cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến chi phí hoạt động của Quỹ.

Chương XIII: Các quy định khác

Hợp nhất, sát nhập hoặc chia tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua. Quỹ có thể được thanh lý và giải thể nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định như vậy hoặc nếu NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong vòng 6 (sáu) tháng liên tiếp.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải hành động một cách công bằng đối với tất cả Quỹ, và thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và có khả năng xảy ra. Trong trường hợp nảy sinh xung đột lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

Sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trừ trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật hoặc chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Điều Lệ Quỹ có hiệu lực trong thời gian không xác định.

XVIII. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của Quỹ là các văn bản pháp lý sau:

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
2. Nghị định Số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Nghị định số 85/2010/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ngày 2 tháng 8 năm 2010.

4. Thông tư số 183/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011
5. Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ngày 5 tháng 9 năm 2011;
6. Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty Quản lý Quỹ ngày 05 tháng 12 năm 2012;
7. Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 15 tháng 4 năm 2009.
8. Thông tư 213/2012/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 6 tháng 12 năm 2012.
9. Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở ngày 15 tháng 11 năm 2012.
10. Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng về Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2009;
11. Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 5 tháng 4 năm 2012.
12. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

XIX. LIÊN LẠC

Để biết thêm thông tin chung, xin liên hệ:

Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Vietcombank

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 3 936 4540
Fax: (84-4) 3 936 4542

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà Centec
72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 3 8270 750
Fax: (84-8) 3 8270 751

Với các câu hỏi về sản phẩm và dịch vụ, xin liên hệ:

Nhân viên Quan hệ Khách hàng
Email: Investor@vcbf.com hoặc NhaDauTu@vcbf.com
Điện thoại: (84-8) 3 8270 750

XX. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ở đây và các tài liệu đính kèm.



Avinash Deepak Satwalekar
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC

1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản và Các Mẫu Biểu Giao Dịch
2. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh và Địa điểm cung cấp Bản Cáo Bạch
3. Cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam
4. Dự thảo Điều Lệ Quỹ

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Danh sách các Điểm Nhận Lệnh

STT	Điểm Nhận Lệnh	Địa chỉ	Liên hệ
1	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Trụ sở chính TP Hồ Chí Minh	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-4) – 3824 2897 Fax: (84-4) – 3824 2997
2	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội	1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4) – 3936 6321 Fax: (84-4) – 3936 6311
3	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank - Trụ sở chính tại Hà Nội	Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4)-3936 6990 Fax: (84-4)-3936 0262
4	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8)-3820 8116 Fax: (84-8)-3820 8117
5	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 10 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8)-3829 7245 Fax: (84-8)-3829 7228

Địa điểm cung cấp Bản Cáo Bạch

STT	Địa điểm cung cấp Bản Cáo Bạch	Địa chỉ	Liên hệ
1	Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Trụ sở chính tại Hà Nội	Tầng 15, Cao ốc Vietcombank 198 Trần Quang Khải Hà Nội, Việt Nam	Tel: (84-4) 3 936 4540 Fax: (84-4) 3 936 4542
2	Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Tầng 14, Tòa nhà Centec 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tel: (84-8) 3 827 0750 Fax: (84-8) 3 827 0751
3	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Trụ sở chính TP Hồ Chí Minh	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-4) – 3824 2897 Fax: (84-4) – 3824 2997
4	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội	1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4) – 3936 6321 Fax: (84-4) – 3936 6311
5	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank - Trụ sở chính tại Hà Nội	Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4)-3936 6990 Fax: (84-4)-3936 0262
6	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	Tel: (84-8)-3820 8116 Fax: (84-8)-3820 8117
7	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 10 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8)-3829 7245 Fax: (84-8)-3829 7228





Năng Lực Quốc Tế. Lợi Thế Địa Phương

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank

198 Trần Quang Khải

Tel : (84-4) 39364 540 | Fax : (84-4) 39364 542

Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà Centec

72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3

Tel : (84-8) 38 270 750 | Fax : (84-8) 38 270 751